

UBND TỈNH TÂY NINH
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /STC-QLNS

Tây Ninh, ngày 07 tháng 8 năm 2020

V/v hướng dẫn xây dựng dự toán
NSNN năm 2021 và kế hoạch tài
chính - NSNN 03 năm 2021-2023

Kính gửi:

- Các cơ quan, đơn vị tỉnh cấp tỉnh;
- Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố.

Căn cứ Luật NSNN ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật NSNN;

Căn cứ Nghị định số 45/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm;

Căn cứ Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán NSNN năm 2021; Thông tư số 71/2020/TT-BTC ngày 30/7/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán NSNN năm 2021; kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2021-2023;

Sở Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán NSNN (NSNN) năm 2021; kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2021-2023 như sau:

A. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NSNN NĂM 2020 VÀ 05 NĂM GIAI ĐOẠN 2016-2020

I. Căn cứ đánh giá tình hình thực hiện NSNN năm 2020 và 05 năm giai đoạn 2016-2020

1. Các Nghị quyết của Đảng, Hội đồng nhân dân về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN (NSNN) giai đoạn 2016-2020

a) Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Bộ Chính trị về cơ cấu lại NSNN, quản lý nợ công bảo đảm nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững (Nghị quyết số 07-NQ/TW);

b) Các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân các cấp về: kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020; kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020; kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản hằng năm; dự toán thu NSNN trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương hằng năm; phân bổ ngân sách địa phương hằng năm;...;

2. Nghị quyết của Chính phủ, văn bản điều hành về dự toán NSNN năm 2020

a) Các Nghị quyết của Chính phủ: số 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2020 về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN năm 2020 (Nghị quyết số 01/NQ-CP), số 02/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2020 về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2020 (Nghị quyết số 02/NQ-CP); số 30/NQ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2020 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế và các Nghị quyết phiên họp thường kỳ Chính phủ hằng tháng;

b) Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 02/01/2020 của UBND tỉnh ban hành về việc ban hành những giải pháp, nhiệm vụ chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 và các Quyết định của Ủy ban nhân dân các cấp về giao dự toán NSNN, kế hoạch vốn đầu tư từ nguồn NSNN, nguồn được để lại đầu tư chưa đưa vào cân đối năm 2020; các quyết định bổ sung ngân sách trong quá trình điều hành NSNN năm 2020;

c) Thông tư số 88/2019/TT-BTC ngày 24 tháng 12 năm 2019 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán NSNN năm 2020; các Thông tư của Bộ Tài chính về giảm phí, lệ phí năm 2020 và Công văn số 3534/STC-QLNS ngày 31/12/2019 của Sở Tài chính hướng dẫn về tổ chức thực hiện dự toán NSNN năm 2020; văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSDP năm 2020;

3. Các văn bản chỉ đạo, điều hành NSNN năm 2020 của cấp có thẩm quyền liên quan đến đại dịch Covid-19

a) Các Nghị định của Chính phủ: số 41/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 gia hạn thời hạn nộp thuế và tiền thuê đất, số 70/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2020 về quy định mức thu lệ phí trước bạ đối với ô tô sản xuất, lắp ráp trong nước đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020; các Nghị quyết của Chính phủ: số 37/NQ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2020 về một số chế độ đặc thù trong phòng, chống dịch Covid-19 (Nghị quyết số 37/NQ-CP); số 42/NQ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 về các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 (Nghị quyết số 42/NQ-CP); số 84/NQ-CP ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh,

thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công và bảo đảm trật tự an toàn xã hội trong bối cảnh đại dịch Covid-19 (Nghị quyết số 84/NQ-CP);

b) Các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 437/QĐ-TTg ngày 30 tháng 3 năm 2020 về nguyên tắc hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương trong phòng, chống dịch Covid-19 (Quyết định số 437/QĐ-TTg) và số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 (Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg).

c) Các Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ: số 11/CT-TTg ngày 04 tháng 3 năm 2020 về các nhiệm vụ, giải pháp cấp bách tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, bảo đảm an sinh xã hội ứng phó với dịch Covid-19; số 19/CT-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 về tiếp tục thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19 trong tình hình mới.

4. Các văn bản khác

a) Các văn bản của cấp có thẩm quyền về điều chỉnh các chỉ tiêu phát triển; chính sách, chế độ thu thuế, phí, lệ phí và các chính sách về cắt giảm, tiết kiệm chi thường xuyên tác động đến việc thực hiện nhiệm vụ thu, chi NSNN năm 2020 (nếu có).

b) Các kết luận, kiến nghị của các cơ quan thanh tra, kiểm toán, kiểm tra công tác cải cách thủ tục hành chính, giải quyết khiếu nại tố cáo, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng chống tham nhũng có liên quan đến hoạt động thu, chi NSNN.

II. Đánh giá tình hình thực hiện thu NSNN năm 2020 và 05 năm giai đoạn 2016-2020

1. Nguyên tắc chung

Thực hiện theo đúng quy định của Luật NSNN, quy định của pháp luật về thuế, phí và lệ phí và các văn bản chỉ đạo, điều hành NSNN của cấp có thẩm quyền; không đánh giá vào thu NSNN các khoản thu phí đã chuyển sang giá dịch vụ theo quy định của Luật Phí và lệ phí, các khoản được khấu trừ đối với cơ quan nhà nước hoặc khoản trích lại phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao thực hiện.

Căn cứ kết quả thực hiện thu NSNN 7 tháng đầu năm, trong đó tập trung xác định tác động của đại dịch Covid-19, diễn biến bất thường của thời tiết, biến đổi khí hậu và dự báo tình hình các tháng cuối năm; các cơ quan, đơn vị tỉnh, thành phố và huyện, thị xã, thành phố thực hiện rà soát, đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến thu NSNN năm 2020, kiến nghị các giải pháp điều hành nhằm phấn đấu thực hiện cao nhất dự toán thu NSNN được Hội đồng nhân dân các cấp quyết định. Trên cơ sở đó, đánh giá thực hiện thu NSNN năm 2020, so sánh với dự toán được giao.

Đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ về hoàn thiện thể chế, các mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể về thu NSNN trong giai đoạn 05 năm 2016-2020; những hạn chế, khó khăn, vướng mắc; các nguyên nhân khách quan, chủ quan và bài học kinh nghiệm.

2. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ thu NSNN năm 2020

a) Đánh giá, phân tích nguyên nhân tác động tăng, giảm thu NSNN năm 2020, chú ý làm rõ:

- Thuận lợi, khó khăn và ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh và các nhân tố khác, đặc biệt là đại dịch Covid-19 tác động đến hoạt động sản xuất - kinh doanh, dịch vụ và xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế trong từng lĩnh vực; tình hình, xu hướng phục hồi sản xuất kinh doanh sau dịch; khả năng triển khai các dự án đầu tư mở rộng, đầu tư mới; các dự án đã hết thời gian ưu đãi thuế; sản lượng sản xuất và tiêu thụ, giá bán, lợi nhuận của các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ chủ yếu trên địa bàn; tốc độ tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng; diễn biến thị trường.

- Tác động nguyên nhiên vật liệu đầu vào và hàng hóa nông sản khác trên thị trường thế giới, trong nước; tác động của việc thực hiện các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế, trong đó có các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới; các chính sách tiền tệ, tín dụng, thương mại, đầu tư, chính sách giá, cải cách thủ tục hành chính và các yếu tố khác đến nền kinh tế và kết quả thu NSNN trong 7 tháng đầu năm.

- Tính toán cụ thể các yếu tố tăng, giảm thu do thay đổi chính sách pháp luật về thu; gia hạn, miễn, giảm thuế, phí, lệ phí và thực hiện lộ trình cắt giảm thuế để thực hiện các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế.

b) Đánh giá tình hình triển khai các quy định về điều chỉnh chính sách thu năm 2020, trong đó:

- Điều chỉnh thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB) theo lộ trình đối với sản phẩm thuốc lá, bia, rượu theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế TTĐB, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng (GTGT), Luật Thuế TTĐB và Luật Quản lý thuế; chính sách sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 8 Nghị định số 20/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 2 năm 2017 của Chính phủ quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết;

- Nghị quyết số 116/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác;

- Nghị quyết số 954/2020/UBTVQH ngày 14 ngày 02 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh của thuế thu nhập cá nhân;

- Nghị định số 70/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ về quy định mức thu lệ phí trước bạ đối với ô tô sản xuất, lắp ráp trong nước đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020

- Nghị định số 41/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ gia hạn thời hạn nộp thuế và tiền thuê đất;

- Nghị định số 22/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 139/2016/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ quy định về lệ phí môn bài;

- Nghị định số 79/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 10 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi Điều 16 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

- Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;

- Nghị định số 57/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về Biểu thuế xuất khẩu ưu đãi, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt để thực hiện Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương giai đoạn 2019 - 2022;

- Các văn bản, chính sách, chế độ thu thuế, phí, lệ phí khác tác động đến việc thực hiện nhiệm vụ thu NSNN năm 2020, trong đó bao gồm chính sách giảm tiền thuê đất phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đang được Nhà nước cho thuê đất trực tiếp theo Quyết định, Hợp đồng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền dưới hình thức trả tiền thuê đất hằng năm phải ngừng sản xuất kinh doanh do ảnh hưởng của dịch Covid-19.

c) Đánh giá tình hình, kết quả thực hiện các biện pháp về quản lý thu NSNN theo Nghị quyết số 01/NQ-CP; kết quả thanh tra, kiểm tra và xử lý thu hồi nợ đọng thuế

- Rà soát, xác định số nợ thuế đến ngày 31 tháng 12 năm 2019; việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 94/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội về khoan nợ tiền thuế, xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp đối với người nộp thuế không còn khả năng nộp NSNN; công tác đôn đốc, cưỡng chế thu hồi nợ đọng thuế, xử lý nợ thuế trong 7 tháng đầu năm 2020, dự kiến số nợ xử lý trong các tháng cuối năm 2020 (so với chỉ tiêu, kế hoạch được giao - nếu có); đánh giá dự kiến số nợ thuế đến ngày 31 tháng 12 năm 2020.

- Kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước, thanh tra, quyết định truy thu của cơ quan thuế các cấp trong việc thực hiện kế hoạch, nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra chấp hành pháp luật thuế.

d) Đánh giá tình hình kê khai, nộp thuế và hoàn thuế GTGT

- Dự kiến số kinh phí hoàn thuế GTGT trong năm 2020 trên cơ sở đảm bảo đúng thực tế phát sinh, đúng chính sách chế độ;

- Tăng cường công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra sau hoàn thuế GTGT, xử lý thu hồi tiền hoàn thuế GTGT sai quy định;

- Đề xuất các kiến nghị điều chỉnh cơ chế quản lý hoàn thuế GTGT, trường hợp cần thiết thì đề xuất điều chỉnh nguồn kinh phí hoàn thuế GTGT (bổ sung,

tạm ứng, cắt giảm) để phù hợp với tình hình thực tế phát triển kinh tế xã hội trong các tháng cuối năm, đảm bảo hoàn trả chặt chẽ, đúng quy định của pháp luật.

đ) Thực hiện hoàn trả các khoản thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa theo quy định của pháp luật (ngoài chi hoàn thuế GTGT)

- Đánh giá tình hình thực hiện theo các tiêu chí: số tiền hoàn trả, số bộ hồ sơ xem xét hoàn trả, số lần ra quyết định hoàn trả theo các quy định (Nghị định số 125/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 122/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ về biểu thuế xuất khẩu, biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan; Nghị định số 14/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2015/NĐ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế TTĐB và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TTĐB;...);

- Vướng mắc, khó khăn phát sinh và kiến nghị giải pháp về cơ chế chính sách, về công nghệ quản lý, về tổ chức phối hợp trong quá trình triển khai, thực hiện.

e) Đánh giá tình hình thu ngân sách từ đất đai (thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất) theo pháp luật về đất đai và thu ngân sách từ xử lý, sắp xếp nhà, đất theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công (Nghị định số 167/2017/NĐ-CP), Nghị định số 69/2019/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ quy định việc sử dụng tài sản công để thanh toán cho Nhà đầu tư khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (Nghị định số 69/2019/NĐ-CP) và quy định pháp luật khác có liên quan.

Ngoài ra, đánh giá tình hình thu tiền sử dụng đất khi giảm đối tượng là hộ gia đình, cá nhân được ghi nợ tiền sử dụng đất và bỏ quy định giảm 2% /năm tính trên số tiền sử dụng đất được ghi nợ trả trước thời hạn theo quy định tại Nghị định số 79/2019/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi Điều 16 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP quy định về thu tiền sử dụng đất.

g) Báo cáo kết quả phối hợp giữa các bộ, cơ quan trung ương và các địa phương trong công tác quản lý, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về thu NSNN, bán đấu giá tài sản Nhà nước, đấu giá quyền sử dụng đất và tổ chức thực hiện thanh tra, kiểm tra, đôn đốc thu hồi nợ thuế, chống thất thu, chống chuyển giá; tồn tại, vướng mắc và giải pháp khắc phục.

h) Đánh giá tình hình thu phí và lệ phí theo quy định của Luật Phí và lệ phí (đánh giá số thu phí, lệ phí theo quy định; số thu phí nộp NSNN; số thu phí được để lại); thu xử phạt vi phạm hành chính, thu phạt, tịch thu và các khoản nộp NSNN khác trong năm 2020 theo Luật Xử phạt vi phạm hành chính và các văn bản pháp luật có liên quan.

i) Đánh giá các khoản thu không cân đối vào ngân sách, như: phí được để

lại đối với các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; thu học phí, giá dịch vụ y tế và các khoản thu dịch vụ sự nghiệp công (không thuộc danh mục phí, lệ phí theo quy định của Luật Phí và lệ phí);

k) Đánh giá các khoản thu được để lại năm 2020 theo quy định đối với các cơ quan hành chính nhà nước được hưởng cơ chế đặc thù theo quy định của các cấp thẩm quyền, chi tiết nguồn NSNN, nguồn phí để lại, các khoản thu được quy định tại các Luật chuyên ngành khác hoặc quy định tại các văn bản pháp luật khác mà Luật NSNN, Luật phí và lệ phí chưa quy định cụ thể là nguồn thu NSNN (dưới đây gọi là thu nghiệp vụ), khoản trích qua công tác thanh tra, kiểm toán và số ước sử dụng năm 2020.

3. Đánh giá thực hiện nhiệm vụ thu NSNN 05 năm giai đoạn 2016-2020

a) Đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ về hoàn thiện thể chế về thu NSNN, các nhiệm vụ và biện pháp triển khai thực hiện quản lý thu NSNN; trong đó tập trung đánh giá những thuận lợi, khó khăn và kiến nghị giải pháp về cơ chế, chính sách, quản lý thu NSNN trong thời gian tới.

b) Đánh giá thực hiện thu NSNN 05 năm giai đoạn 2016-2020 so với mục tiêu, kế hoạch 5 năm giai đoạn 2016 - 2020 theo Nghị quyết số 07-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 25/2016/QH14 của Quốc hội, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân.

c) Đánh giá kết quả thực hiện các khoản thu không cân đối vào NSNN thuộc các lĩnh vực sự nghiệp giai đoạn 2016-2020, chi tiết số thu phí theo từng lĩnh vực được để lại, giá dịch vụ và các khoản thu dịch vụ sự nghiệp công không thuộc danh mục phí, lệ phí theo quy định của Luật Phí và lệ phí), số dự toán sử dụng và còn dư đến ngày 31 tháng 12 năm 2020.

d) Đánh giá kết quả thực hiện các khoản thu được để lại theo quy định đối với các cơ quan hành chính nhà nước được hưởng cơ chế đặc thù theo quy định của các cấp thẩm quyền, số dự toán sử dụng giai đoạn 2016-2020 và còn dư đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, chi tiết theo nguồn NSNN, nguồn phí để lại, các khoản thu nghiệp vụ, khoản trích qua công tác thanh tra, kiểm toán.

III. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chi đầu tư phát triển năm 2020 và 05 năm giai đoạn 2016-2020

1. Đánh giá việc triển khai và tổ chức thực hiện dự toán chi đầu tư phát triển (ĐTPT) năm 2020

a) Tình hình bố trí và giao dự toán chi ĐTPT năm 2020

- Thời hạn phân bổ và giao kế hoạch cho chủ đầu tư;
- Kết quả bố trí dự toán để thu hồi vốn ngân sách ứng trước và thanh toán nợ xây dựng cơ bản thuộc nguồn NSNN;
- Việc điều chỉnh, bổ sung dự toán chi ĐTPT giữa các đơn vị, địa phương năm 2020;

- Khó khăn, vướng mắc và kiến nghị điều chỉnh cơ chế, chính sách; kiến nghị trong tổ chức thực hiện.

b) Tình hình thực hiện dự toán chi ĐTPT của NSNN năm 2020

- Chi ĐTPT từ nguồn chi cân đối NSNN (bao gồm cả chuyển nguồn từ các năm trước sang năm 2020 theo quy định): Đánh giá vốn thanh toán đến hết quý II năm 2020, dự kiến đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020; tình hình giải ngân vốn ĐTPT năm 2020, chi tiết theo từng nguồn vốn (trong đó: đối với chi ĐTPT NSDP, đề nghị chi tiết vốn cân đối NSDP, vốn NSTW hỗ trợ có mục tiêu từ vốn nước ngoài, vốn trong nước); có biểu phụ lục chi tiết từng dự án, số liệu về tổng mức đầu tư được duyệt, vốn thanh toán lũy kế đến hết năm 2019, kế hoạch vốn năm 2020 - kể cả vốn bổ sung, điều chỉnh và ước thực hiện năm 2020, kèm theo thuyết minh).

Đối với chi ĐTPT từ nguồn tiền thu được từ bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền và chuyển mục đích sử dụng đất: báo cáo tình hình thu, nộp ngân sách và việc thực hiện dự toán chi ĐTPT năm 2020 từ nguồn thu này.

Đánh giá tình hình xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản nguồn NSNN và thu hồi vốn ứng nguồn NSNN (bao gồm cả trái phiếu Chính phủ theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại các Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2012, số 14/CT-TTg ngày 28 tháng 6 năm 2013 và số 07/CT-TTg ngày 30 tháng 4 năm 2015): số nợ đọng xây dựng cơ bản và thu hồi vốn ứng nguồn NSNN đến ngày 31 tháng 12 năm 2019; ước số xử lý trong năm 2020; dự kiến số nợ xây dựng cơ bản, số ứng chưa có nguồn thu hồi đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 (chi tiết từng dự án).

- Chi ĐTPT theo hình thức hợp tác công tư: Đánh giá tình hình thực hiện việc sử dụng tài sản công để thanh toán cho Nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao theo Nghị định số 69/2019/NĐ-CP của Chính phủ; khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân, kiến nghị.

- Đánh giá việc chuyển đổi các nhiệm vụ đầu tư theo hình thức hợp tác công tác tư sang hình thức NSNN đầu tư trực tiếp 100% và tác động đến NSNN, việc bổ sung dự toán chi ĐTPT nguồn NSNN năm 2020 (nếu có).

- Tình hình triển khai các dự án, chương trình từ nguồn vay và trả nợ các nguồn vốn vay của địa phương (kể cả nguồn tạm ứng tồn ngân Kho bạc Nhà nước).

- Tình hình quyết toán dự án đầu tư hoàn thành, trong đó nêu rõ: số dự án đã được phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành và số vốn còn lại chưa được bố trí để thanh toán so với giá trị quyết toán dự án hoàn thành được cấp có thẩm quyền phê duyệt; số dự án đã hoàn thành nhưng chưa quyết toán theo quy định đến hết tháng 6 năm 2020, dự kiến đến hết năm 2020; nguyên nhân và giải pháp xử lý.

c) Đối với các lĩnh vực sự nghiệp: đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ ĐTPT năm 2020 theo quy định hiện hành (chi tiết nguồn NSNN, nguồn thu sự nghiệp, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, nguồn vay và nguồn hợp pháp khác

của đơn vị) theo từng lĩnh vực sự nghiệp; gửi cơ quan quản lý cấp trên, tổng hợp báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp.

2. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ chi ĐTPT của NSNN 05 năm giai đoạn 2016-2020

a) Đánh giá việc thực hiện lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư các dự án đầu tư công theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;

b) Kế hoạch trung hạn được cấp có thẩm quyền giao giai đoạn 2016-2020 so với số đề xuất; điều chỉnh, bổ sung kế hoạch trung hạn theo Nghị quyết số 71/2018/QH14 đã được cấp thẩm quyền phê duyệt - nếu có (chi tiết nguồn NSNN, nguồn trái phiếu Chính phủ, nguồn vốn vay/vay lại ngoài nước, vốn vay chính quyền địa phương, nguồn dự phòng chung kế hoạch đầu tư trung hạn NSTW - nếu có).

c) Lũy kế dự toán chi ĐTPT được giao hằng năm (kể cả số dự toán giao đầu năm; số dự toán bổ sung, điều chỉnh trong năm từ nguồn rà soát lại giữa các cơ quan, đơn vị tỉnh và huyện, thị xã, thành phố (gọi là huyện); nguồn dự phòng NSTW; nguồn tăng thu, tiết kiệm chi, nếu có) so với kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020, trong đó huyện chi tiết nguồn cân đối NSDP, nguồn NSTW bổ sung có mục tiêu từ nguồn vốn ngoài nước và vốn trong nước.

d) Tình hình xử lý nợ xây dựng cơ bản trung hạn 2016-2020: Kế hoạch và vốn đã bố trí dự toán các năm 2016-2020 để xử lý; tổng số nợ xây dựng cơ bản còn lại đến hết năm 2020.

đ) Tình hình thu hồi vốn ứng trước đến hết kế hoạch năm 2020, làm rõ số ứng trước chưa bố trí được nguồn để thu hồi.

e) Tình hình bổ sung, giao dự toán, sử dụng nguồn dự phòng chi ĐTPT của các cơ quan, đơn vị tỉnh và huyện đến hết năm 2020.

g) Lũy kế việc giải ngân, thực hiện các nhiệm vụ chi ĐTPT của NSNN so với dự toán được giao giai đoạn 2016-2020, chi tiết theo từng nguồn vốn.

h) Số dự án hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2016 - 2020; số dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016 - 2020 nhưng chưa được bố trí vốn hằng năm; số dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025; chi tiết dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C.

i) Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ xử lý, sắp xếp nhà, đất theo quy định của pháp luật có liên quan; số thu, nộp ngân sách nguồn này giai đoạn 2016-2020; lũy kế dự toán chi ĐTPT nguồn này được giao năm 2016-2020; số đã nộp đến hết năm 2020 chưa sử dụng; nhu cầu còn phải bố trí đối với các dự án đầu tư nguồn này đã được phê duyệt theo quy định; số dự án đã thực hiện, quyết toán đến hết năm 2020, nhưng chưa được ghi thu - ghi chi vào cân đối NSNN - nếu có.

3. Đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ chi đầu tư phát triển

khác của NSNN năm 2020 và cả giai đoạn 2016-2020

Tình hình thực hiện kế hoạch tín dụng đầu tư ưu đãi của Nhà nước và tín dụng chính sách 7 tháng đầu năm, ước thực hiện cả năm 2020 (huy động vốn, phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh; tăng trưởng tín dụng, giải ngân, thu nợ gốc, dư nợ cho vay; NSNN cấp bù chênh lệch lãi suất và phí quản lý,...) và cả giai đoạn 2016-2020 (quy mô huy động theo các hình thức; tăng trưởng tín dụng bình quân; dư nợ đầu kỳ, số phát sinh vay và trả nợ trong kỳ; dư nợ cuối kỳ; tổng số cấp bù chênh lệch lãi suất và phí quản lý đã được bố trí); việc cải cách hành chính trong thủ tục xét duyệt cho vay. Nhu cầu và số cấp bổ sung vốn điều lệ giai đoạn 2016-2020; số còn phải cấp bổ sung - nếu có.

4. Đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ ĐTPT giai đoạn 2016-2020 của các cơ quan hành chính nhà nước đang được hưởng cơ chế đặc thù theo quy định hiện hành, chi tiết theo từng dự án và nguồn kinh phí (nguồn NSNN, nguồn phí được để lại, nguồn được trích lại qua công tác thanh tra, kiểm toán, nguồn thu nghiệp vụ); xác định các nhiệm vụ chuyển tiếp; gửi cơ quan quản lý cấp trên tổng hợp, báo cáo cơ quan tài chính, đầu tư cùng cấp.

5. Đối với các lĩnh vực sự nghiệp: đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ ĐTPT giai đoạn 2016-2020 theo quy định hiện hành (chi tiết nguồn NSNN, nguồn thu sự nghiệp, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, nguồn vay và nguồn hợp pháp khác của đơn vị) theo từng lĩnh vực sự nghiệp; xác định các nhiệm vụ chuyển tiếp; gửi cơ quan quản lý cấp trên, tổng hợp báo cáo cơ quan tài chính, đầu tư cùng cấp.

6. Tình hình thực hiện các cơ chế, chính sách xã hội hóa năm 2020 và giai đoạn 2016-2020

a) Đánh giá tình hình thực hiện năm 2020 về tổng nguồn lực và cơ cấu nguồn lực xã hội hóa đầu tư theo ngành, lĩnh vực; số lượng các cơ sở được đầu tư từ nguồn lực xã hội hóa; kết quả đạt được.

b) Đánh giá kết quả thực hiện các cơ chế, chính sách xã hội hóa so với kế hoạch giai đoạn được giao (chi tiết tổng nguồn lực, cơ cấu nguồn lực xã hội hóa theo ngành, lĩnh vực; số lượng các cơ sở được đầu tư từ nguồn lực xã hội hóa theo ngành, lĩnh vực) trong cả giai đoạn 2016-2020; kết quả đạt được; tồn tại, nguyên nhân và kiến nghị (nếu có).

IV. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên năm 2020 và 05 năm giai đoạn 2016-2020

Các cơ quan, đơn vị tỉnh và huyện tập trung đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ chi thường xuyên như sau:

1. Đánh giá tình hình triển khai phân bổ, giao dự toán và thực hiện dự toán NSNN 7 tháng đầu năm, dự kiến cả năm 2020 theo từng lĩnh vực chi được giao. Đánh giá tình hình triển khai thực hiện chính sách, biện pháp trong phòng chống, dịch Covid-19 (Nghị quyết số 37/NQ-CP, Nghị quyết số 42/NQ-CP, Quyết định số 437/QĐ-TTg, Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020) và hồ

trợ kinh phí phòng, chống khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh (dịch tả lợn châu Phi, đại dịch Covid -19).

2. Kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, các chương trình, dự án lớn trong 7 tháng, dự kiến cả năm 2020; giai đoạn 2016-2020; những khó khăn, vướng mắc và đề xuất biện pháp xử lý về cơ chế, chính sách trong tổ chức thực hiện, cụ thể:

a) Đối với các chế độ, chính sách: Đánh giá tổng thể toàn bộ các chính sách, chế độ; rà soát, xác định các nhiệm vụ, chính sách, chế độ kết thúc; kiến nghị bổ sung, sửa đổi các nhiệm vụ, chính sách, chế độ không phù hợp với thực tế.

b) Đánh giá tình hình thực hiện tiết kiệm chi thường xuyên do tác động của đại dịch Covid-19 (cắt giảm tối thiểu 70% dự toán kinh phí hội nghị, đi công tác trong và ngoài nước; 10% dự toán chi thường xuyên các nhiệm vụ chi chưa cần thiết, bao gồm cả kinh phí thực hiện các đề án mua sắm chưa thực hiện) theo hướng dẫn của Bộ Tài chính triển khai thực hiện Nghị quyết số 84/NQ-CP của Chính phủ.

c) Thực hiện tinh giản biên chế, đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy: Kết quả đạt được trong 7 tháng đầu năm, ước cả năm 2020, chi tiết theo từng mục tiêu, nhiệm vụ tại Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị Trung ương 6 Ban chấp hành Trung ương Khóa XII (Nghị quyết số 18-NQ/TW), Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17 tháng 4 năm 2015 của Ban Chấp hành Trung ương (Nghị quyết số 39-NQ/TW), Kết luận số 17-KL/TW ngày 11 tháng 9 năm 2017 của Bộ Chính trị (Kết luận số 17-KL/TW) và các văn bản liên quan của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; trong đó chi tiết:

- Số giảm biên chế, giảm đầu mối tổ chức bộ máy từng năm;
- Số kinh phí NSNN tiết kiệm được do giảm biên chế, giảm tổ chức bộ máy từng năm, trong đó chi tiết số đã sử dụng để thực hiện cải cách tiền lương.
- Số kinh phí phải bố trí từng năm từ NSNN để thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 về chính sách tinh giản biên chế (Nghị định số 108/2014/NĐ-CP), Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP về chính sách tinh giản biên chế (Nghị định số 113/2018/NĐ-CP) và Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2015 quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội.

d) Thực hiện đổi mới khu vực sự nghiệp công:

- Kết quả sắp xếp, đổi mới hệ thống và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị Trung ương 6 Ban chấp hành Trung ương Khóa XII (Nghị quyết số 19-NQ/TW), Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công (Nghị định số 16/2015/NĐ-CP) và các Nghị định của Chính phủ

về cơ chế tự chủ trong các lĩnh vực sự nghiệp cụ thể trong 7 tháng đầu năm, ước cả năm 2020, chi tiết theo từng mục tiêu, từng năm (báo cáo số lượng đơn vị sự nghiệp công lập từng lĩnh vực, theo từng mức độ tự chủ, từng năm; tổng số thu sự nghiệp công từng lĩnh vực, từng năm; số NSNN chi hỗ trợ từng lĩnh vực sự nghiệp, từng năm, từng đơn vị; tổng số biên chế theo từng lĩnh vực sự nghiệp, từng năm; số lượng biên chế hưởng lương từ NSNN từng lĩnh vực sự nghiệp, từng năm).

- Đánh giá tác động của việc sắp xếp, đổi mới, nâng cao khả năng tự chủ đến NSNN theo từng lĩnh vực, từng năm (số kinh phí dành ra và việc sử dụng); số giảm chi từ NSNN đối với các đơn vị sự nghiệp theo từng lĩnh vực (sự nghiệp y tế, sự nghiệp giáo dục - đào tạo, giáo dục nghề nghiệp...) và việc sử dụng số kinh phí NSNN dành ra từ việc nâng cao tính tự chủ của các đơn vị sự nghiệp, chi tiết từng năm; các khó khăn, vướng mắc và kiến nghị.

đ) Đối với các chương trình, đề án, nhiệm vụ thường xuyên đã, đang thực hiện trong thời gian 2016-2020: Đánh giá việc phê duyệt, bố trí kinh phí, kết quả thực hiện so với mục tiêu, kế hoạch 05 năm giai đoạn 2016-2020, nhiệm vụ chuyển tiếp (nếu có); trong đó chi tiết theo từng nhiệm vụ, đề án theo quyết định giao nhiệm vụ và kinh phí thực hiện tương ứng; những khó khăn, vướng mắc và đề xuất, kiến nghị (nếu có).

e) Đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ chi thường xuyên năm 2020 và cả giai đoạn 05 năm 2016-2020 của các cơ quan hành chính nhà nước đang được hưởng cơ chế đặc thù theo quy định hiện hành, chi tiết: quỹ lương (gồm lương ngạch bậc, các khoản đóng góp theo lương và lương đặc thù - nếu có), chi bộ máy, chi chuyên môn, nghiệp vụ; theo từng nguồn kinh phí (nguồn NSNN, nguồn phí được để lại, nguồn được trích lại qua công tác thanh tra, kiểm toán, nguồn thu nghiệp vụ); xác định các nhiệm vụ chi chuyên môn, nghiệp vụ chuyển tiếp - nếu có; gửi cơ quan quản lý cấp trên tổng hợp, báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp.

g) Đối với các lĩnh vực sự nghiệp: đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên năm 2020 và cả giai đoạn 05 năm 2016-2020 theo quy định hiện hành (chi tiết nguồn NSNN, nguồn thu sự nghiệp, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, nguồn vay và nguồn hợp pháp khác của đơn vị) theo từng lĩnh vực sự nghiệp; xác định các nhiệm vụ chi chuyên môn, nghiệp vụ chuyển tiếp; gửi cơ quan quản lý cấp trên, tổng hợp báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp.

V. Đánh giá tình hình thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu và chương trình, dự án khác sử dụng nguồn vốn ngoài nước năm 2020 và 05 năm giai đoạn 2016-2020

1. Đối với các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu

a) Các cơ quan, đơn vị tỉnh và huyện thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu đánh giá tình hình phân bổ, giao, thực hiện dự toán chi năm 2020.

Đối với các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu có sử dụng nguồn vốn ngoài nước, báo cáo tình hình phân bổ, giải ngân (chi tiết theo vốn viện trợ ODA, vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi và vốn viện trợ phi chính phủ nước ngoài) để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của chương trình, các đề xuất kiến nghị (nếu có).

Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững, đánh giá cụ thể tình hình triển khai đối với huyện, xã, ấp mới được bổ sung theo Quyết định số 275/QĐ-TTg ngày 07 tháng 03 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 103/QĐ-TTg ngày 22 tháng 01 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ bổ sung, điều chỉnh và đổi tên danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020.

b) Cơ quan chủ chương trình mục tiêu quốc gia chủ trì, phối hợp với cơ quan chủ trì dự án thành phần; cơ quan quản lý chương trình mục tiêu chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị tỉnh, huyện thực hiện chương trình tổng hợp các nguồn lực thực hiện chương trình (NSTW, NSDP, nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án khác, nguồn vốn vay, nguồn vốn huy động khác) và việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra trong năm 2020.

c) Trên cơ sở ước thực hiện năm 2020, tổng kết, đánh giá đầy đủ, toàn diện tình hình huy động, bố trí kinh phí, triển khai thực hiện trong giai đoạn 2016-2020, kết quả đạt được, tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và vướng mắc.

2. Đối với các chương trình, dự án khác sử dụng nguồn vốn ngoài nước

Các cơ quan, đơn vị tỉnh và huyện đánh giá tình hình phân bổ, giao dự toán, thực hiện dự toán chi năm 2020, việc điều chỉnh, bổ sung năm 2020 (nếu có); lũy kế việc thực hiện đến hết năm 2020 so với mục tiêu kế hoạch trong giai đoạn 2016-2020 được giao (nếu có)/hoặc kế hoạch thực hiện giai đoạn 2016-2020 theo Hiệp định, Thỏa thuận đã ký kết (bao gồm cả dự án ô), chi tiết theo từng nguồn vốn (vốn viện trợ ODA, vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi, vốn viện trợ phi chính phủ nước ngoài); cơ chế tài chính, những khó khăn, vướng mắc và đề xuất kiến nghị (nếu có).

VI. Đánh giá tình hình thực hiện tạo nguồn cải cách tiền lương năm 2020

Các cơ quan, đơn vị tỉnh và huyện đánh giá việc thực hiện tạo nguồn cải cách tiền lương gắn với sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, nâng cao mức độ tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư số 88/2019/TT-BTC ngày 24 tháng 12 năm 2019 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán NSNN năm 2020.

VII. Đánh giá thực hiện nhiệm vụ NSNN năm 2020 và giai đoạn 2016-2020 của địa phương

Ngoài các yêu cầu chung nêu trên, các cơ quan, đơn vị tỉnh và huyện tập trung đánh giá thêm một số nội dung sau:

1. Công tác huy động các nguồn lực tài chính của tỉnh và huyện để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, những khó khăn, vướng mắc và đề xuất kiến nghị (nếu có).

2. Sở Kế hoạch - đầu tư và huyện báo cáo cụ thể việc thực hiện dự toán chi ĐTPT năm 2020 (bao gồm cả việc điều chỉnh, bổ sung trong năm theo quy định), chi tiết: nguồn cân đối NSDP (chi đầu tư xây dựng cơ bản, chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất, chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết, chi đầu tư từ nguồn bội chi NSDP (nếu có)); nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW năm 2020 nguồn trong nước, nguồn vốn ngoài nước (gồm cả nguồn vốn vay và vốn viện trợ không hoàn lại); nguồn ngân sách tỉnh bổ sung cho huyện; lũy kế việc thực hiện giai đoạn 2016-2020 so với mục tiêu kế hoạch đề ra trong giai đoạn 2016-2020; trong đó:

a) Việc bố trí dự toán, xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản, thu hồi vốn ứng năm 2020 và giai đoạn 2016-2020, số kế hoạch còn lại của giai đoạn 2016-2020 (nếu có) và số phát sinh đến năm 2020 chưa được đưa vào kế hoạch trung hạn 2016-2020 (nếu có); đề xuất việc xử lý.

b) Tình hình giao, thực hiện, giải ngân chi ĐTPT nguồn cân đối ngân sách địa phương năm 2020 và lũy kế 05 năm giai đoạn 2016-2020 so với kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đã được Thủ tướng Chính và UBND tỉnh phủ giao;

c) Đánh giá việc giao, thực hiện, giải ngân chi ĐTPT nguồn BSCMT từ NSTW cho địa phương và ngân sách tỉnh cho huyện năm 2020 và 05 năm giai đoạn 2016-2020 (chi tiết nguồn trong nước, nguồn ngoài nước (nguồn vốn vay, vốn viện trợ));

d) Bội chi ngân sách địa phương từng năm và bình quân 05 năm 2016 - 2020; tình hình đầu tư từ nguồn bội chi này;

đ) Số tăng thu, tiết kiệm chi của tỉnh, huyện và việc sử dụng giai đoạn 2016-2020.

3. Thực hiện các chính sách an sinh xã hội trên địa bàn

a) Đánh giá tình hình thực hiện đối với từng chính sách, có báo cáo cụ thể đối tượng (trong đó chi tiết đối với hộ nghèo thu nhập, nghèo đa chiều đối với từng tiêu chí thiếu hụt dịch vụ cơ bản), nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách năm 2020 (có thuyết minh cơ sở xác định, cách tính).

b) Tình hình triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ người dân, biện pháp trong phòng chống, dịch Covid-19 (Nghị quyết số 37/NQ-CP, Nghị quyết số 42/NQ-CP, Quyết định số 437/QĐ-TTg, Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020) và hỗ trợ kinh phí phòng, chống dịch tả lợn châu Phi, thiên tai...

c) Báo cáo cụ thể việc bố trí ngân sách (bao gồm cả số NSTW và ngân sách tỉnh hỗ trợ có mục tiêu - nếu có) và sử dụng dự phòng NSDP thực hiện nhiệm vụ an ninh, quốc phòng; phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh; tình hình sử dụng dự phòng NSDP, quỹ dự trữ tài chính (nếu có) đến ngày

30 tháng 6 năm 2020, số dự kiến sử dụng trong 6 tháng cuối năm 2020: chi tiết tình hình thực hiện hỗ trợ kinh phí phòng, chống khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh (dịch tả lợn châu Phi, đại dịch Covid-19).

4. Đối với số biên chế được phép điều chỉnh, bổ sung tăng thêm của sự nghiệp giáo dục và y tế theo quyết định của cấp có thẩm quyền, ngân sách tỉnh phải chủ động bố trí chi NSDP để đảm bảo kinh phí chi trả cho số biên chế tăng thêm; đối với nhu cầu tiền lương tăng thêm do tăng lương cơ sở, sau khi huyện sử dụng các nguồn lực để thực hiện cải cách tiền lương nhưng vẫn không đảm bảo đủ nhu cầu, ngân sách tỉnh hỗ trợ theo quy định về cải cách tiền lương hiện hành.

5. Nguồn cải cách tiền lương năm 2020, số còn dư (nếu có) sau khi đã đảm bảo đủ nhu cầu thực hiện tiền lương trong năm 2020, sử dụng để chi trả thay phần NSTW hỗ trợ để thực hiện các chính sách an sinh xã hội do Trung ương ban hành (giảm tương ứng phần NSTW phải hỗ trợ theo chế độ), chi hỗ trợ người dân gặp khó khăn do dịch Covid-19 theo quy định.

6. Tình hình phân bổ, giao dự toán chi NSNN từ nguồn thu tiền sử dụng đất để đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng của địa phương, thực hiện đo đạc, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

7. Tình hình thu, chi, quản lý, sử dụng số thu từ hoạt động xổ số kiến thiết đầu tư các công trình phúc lợi xã hội quan trọng của địa phương, trong đó tập trung đầu tư cho các công trình thuộc các lĩnh vực giáo dục, y tế, hạ tầng nông nghiệp nông thôn, chương trình xây dựng chống biến đổi khí hậu theo quy định trong năm 2020.

8. Do tác động tiêu cực của đại dịch Covid-19, trường hợp dự kiến thu NSDP giảm so với dự toán được cấp có thẩm quyền giao trong khi vẫn phải chi thực hiện các nhiệm vụ quan trọng, cấp bách, địa phương phải chủ động xây dựng phương án điều hành sử dụng các nguồn lực của mình theo quy định để đảm bảo cân đối NSDP theo hướng dẫn của Bộ Tài chính triển khai thực hiện Nghị quyết số 84/NQ-CP của Chính phủ.

9. Tình hình thực hiện vay và trả nợ các khoản vay của NSDP, gồm:

a) Số dư nợ đầu năm, số vay đến ngày 30 tháng 6 năm 2020, ước số vay cả năm, chi tiết theo mục đích vay (vay trả nợ gốc, vay bù đắp bội chi) và theo từng nguồn vốn (phát hành trái phiếu chính quyền địa phương; vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ theo từng nhà tài trợ và chương trình, dự án; vay tín dụng ĐTPT của Nhà nước; vay tồn ngân kho bạc nhà nước; vay khác).

b) Nghĩa vụ trả nợ chi tiết chi trả nợ gốc, chi trả lãi và phí theo từng nguồn vốn vay tại điểm a nêu trên.

c) Tình hình thực hiện trả nợ (lãi, phí) đến ngày 30 tháng 6 và ước cả năm 2020, chi tiết theo từng nguồn vốn nêu tại điểm a nêu trên; trong đó, đối với nguồn vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ chi tiết theo từng chương trình, dự án.

d) Tình hình trả nợ gốc các khoản vay 6 tháng và ước cả năm 2020, chi tiết theo từng nguồn (vay mới trả nợ cũ, từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi); trong đó, đối với nguồn vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ chi tiết theo từng chương trình, dự án.

đ) Dư nợ cuối năm theo kế hoạch và ước thực hiện, chi tiết theo từng nguồn vốn nêu tại điểm a nêu trên; trong đó, đối với nguồn vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ chi tiết theo từng chương trình, dự án.

10. Tình hình thực hiện các kiến nghị của cơ quan Kiểm toán nhà nước, Thanh tra.

VIII. Đánh giá kế hoạch tài chính của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách năm 2020

Các cơ quan, đơn vị được giao quản lý các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách phải lập báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch thu - chi và các nhiệm vụ năm 2020, các khó khăn, vướng mắc phát sinh và kiến nghị giải pháp xử lý. Trên cơ sở đó, tiến hành rà soát, đánh giá hiệu quả hoạt động của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách thuộc phạm vi quản lý; xây dựng lộ trình cơ cấu lại, sáp nhập, dừng hoạt động hoặc giải thể các quỹ hoạt động không hiệu quả, không đúng mục tiêu, không phù hợp với tình hình kinh tế-xã hội, trùng lặp về mục tiêu, nhiệm vụ, đối tượng phục vụ hoặc không có khả năng độc lập về tài chính, trùng lặp nguồn thu, nhiệm vụ chi với NSNN để báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định tại Nghị quyết số 792/NQ-UBTVQH14 ngày 22 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

B. XÂY DỰNG DỰ TOÁN NSNN NĂM 2021

I. Yêu cầu

Năm 2021 là năm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là năm đầu triển khai Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030; Nghị quyết số 122/2020/QH14 của Quốc hội về việc kéo dài thời kỳ ổn định NSNN giai đoạn 2017-2020 sang năm 2021 và lùi thời gian ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN cho thời kỳ ổn định ngân sách mới sang năm 2021. Việc xây dựng dự toán NSNN năm 2021 phải đảm bảo các yêu cầu sau:

1. Dự toán NSNN năm 2021 được xây dựng thực hiện theo đúng quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn về quy trình, thời hạn, thuyết minh cơ sở pháp lý, căn cứ tính toán, giải trình; các văn bản pháp luật và chỉ đạo của cấp có thẩm quyền có liên quan; phù hợp với các mục tiêu cơ cấu lại ngân sách theo Nghị quyết số 07-NQ/TW, các cơ chế, chính sách đặc thù phát triển một số địa phương theo quy định; đẩy mạnh thực hiện các nhiệm vụ nhằm triển khai các Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 (khóa XII).

2. Trên cơ sở đánh giá thực hiện năm 2020 và giai đoạn 2016-2020; các định hướng mục tiêu, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025 và mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021 theo Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ và của UBND tỉnh; định hướng mục tiêu, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và địa phương giai đoạn 2021-2025, các cơ quan, đơn vị tỉnh và huyện xác định nhiệm vụ trọng tâm thực hiện trong năm 2021, chủ động sắp xếp các khoản chi và thứ tự ưu tiên thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, dự án, đề án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo mức độ cấp thiết, quan trọng và khả năng triển khai thực hiện năm 2021 trên cơ sở nguồn NSNN được phân bổ và các nguồn huy động hợp pháp khác; quán triệt chủ trương triệt để tiết kiệm, chống lãng phí ngay từ khâu lập dự toán.

3. Các cơ quan, đơn vị tỉnh được giao quản lý ngành, lĩnh vực thực hiện rà soát tổng thể các chế độ, chính sách (nhất là các chính sách an sinh xã hội) do Trung ương ban hành chồng chéo, trùng lặp, kém hiệu quả tham mưu UBND tỉnh kiến nghị Trung ương để bãi bỏ, hoặc lồng ghép theo thẩm quyền. Đối với các chính sách do ngành tham mưu UBND tỉnh ban hành thì rà soát các chính sách chồng chéo, trùng lặp, kém hiệu quả tham mưu UBND tỉnh trình cấp thẩm quyền để bãi bỏ, hoặc lồng ghép. Không đề xuất các chính sách làm giảm thu ngân sách; chỉ đề xuất ban hành chính sách làm tăng chi ngân sách khi thật sự cần thiết và có nguồn đảm bảo; chủ động dự kiến đầy đủ nhu cầu kinh phí thực hiện các chính sách, chế độ, nhiệm vụ mới đã được cấp có thẩm quyền quyết định; không bố trí dự toán chi cho các chính sách chưa ban hành.

4. Các cơ quan, đơn vị tỉnh và huyện xây dựng, báo cáo dự toán thu NSNN đầy đủ các khoản thu (phí, lệ phí,...) theo quy định; đồng thời, căn cứ khối lượng công việc theo chức năng, nhiệm vụ, số lượng biên chế, lao động được cấp có thẩm quyền giao và chế độ chính sách chi NSNN hiện hành để xây dựng dự toán chi NSNN năm 2021. Trong đó, đối với quỹ tiền lương của cơ quan, đơn vị được xây dựng trên cơ sở số lượng biên chế được giao, chế độ tiền lương theo quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan về chế độ tiền lương, phụ cấp hiện hành và định hướng cải cách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 7 (khóa XII).

II. Xây dựng dự toán thu NSNN

1. Nguyên tắc chung

Dự toán thu NSNN phải được xây dựng theo đúng quy định của pháp luật về thuế, phí và lệ phí.

Việc xây dựng dự toán thu năm 2021 phải bám sát dự báo khả năng phục hồi kinh tế và đón các dòng đầu tư mới (trong và ngoài nước); tính toán kỹ các yếu tố tăng, giảm và dịch chuyển nguồn thu do thay đổi cơ chế, chính sách và thay đổi bất thường do tác động của đại dịch Covid-19; thực hiện lộ trình cắt giảm thuế để thực hiện các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế, nhất là các Hiệp

định thương mại EVFTA; thực hiện các biện pháp cải cách hành chính, hiện đại hoá công tác quản lý thu; tăng cường công tác quản lý, chống thất thu, chống chuyển giá, gian lận thương mại, trốn thuế, quản lý chặt chẽ giá tính thuế; đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra thuế; quyết liệt xử lý nợ đọng thuế và kiểm soát chặt chẽ hoàn thuế.

Phấn đấu dự toán thu nội địa từ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 (đã dự kiến các tác động điều chỉnh sách thu theo các chủ trương hiện hành) tăng bình quân tối thiểu 9-11% so với đánh giá ước thực hiện năm 2020 (huyền dự báo kinh tế phục hồi và tăng nhanh năng lực sản xuất kinh doanh, dịch chuyển cơ cấu kinh tế tích cực sẽ phấn đấu tăng thu NSNN ở mức cao hơn). Dự toán thu từ hoạt động xuất nhập khẩu tăng bình quân tối thiểu 4-6% so với đánh giá ước thực hiện năm 2020.

2. Xây dựng dự toán thu nội địa:

a) Xây dựng dự toán thu nội địa năm 2021 ngoài việc phải đảm bảo các mục tiêu, yêu cầu nêu trên, phải tổng hợp đầy đủ các nguồn thu thuộc phạm vi thu NSNN phát sinh trên địa bàn (bao gồm cả số thu ngân sách ở xã, phường, thị trấn, các khoản thu thuế nhà thầu nước ngoài, nhà thầu trong nước khi thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn, các khoản thuế từ các dự án mới được đưa vào sản xuất kinh doanh); đồng thời loại trừ các khoản theo quy định không thuộc nguồn thu cân đối NSNN trên cơ sở đánh giá đầy đủ thực tế thực hiện năm 2019, những đặc thù của năm 2020 và đánh giá toàn diện việc thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm giai đoạn 2016-2020; dự báo tăng trưởng kinh tế trên địa bàn năm 2021 và số kiểm tra dự toán thu năm 2021 được cơ quan có thẩm quyền thông báo.

b) Dự toán thu NSNN năm 2021 phải được xây dựng trên cơ sở hệ thống dữ liệu đối tượng nộp thuế; đảm bảo tính đúng, đủ từng khoản thu, sắc thuế, lĩnh vực thu đối với từng địa bàn, chi tiết số thu từ các nhà máy mới đi vào hoạt động có số thu lớn theo các quy định hiện hành về thuế, phí, lệ phí và thu khác NSNN; các quy định điều chỉnh chính sách theo lộ trình tiếp tục ảnh hưởng tới số thu NSNN năm 2021 và các quy định dự kiến sẽ được sửa đổi, bổ sung, áp dụng trong năm 2021.

c) Tiếp tục thực hiện phân cấp nguồn thu giữa các cấp ngân sách của địa phương như năm 2020. Trong đó, lưu ý:

- Thực hiện điều tiết số thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước quy định tại Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ theo phân cấp quy định tại Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;

- Giữ ổn định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia số thu thuế bảo vệ môi trường đối với sản phẩm xăng, dầu trong nước và nhập khẩu như đối với năm 2020.

d) Dự toán thu tiền sử dụng đất được xây dựng trên cơ sở kế hoạch đầu giá quyền sử dụng đất, phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đã được được cấp có

thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật và tiến độ triển khai các công việc có liên quan.

d) Dự toán số thu sắp xếp lại, xử lý tài sản công (trong đó có nhà, đất), số thu từ cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng (sau khi trừ chi phí liên quan) nộp NSNN; NSNN ưu tiên bố trí dự toán chi ĐTPT cho các nhiệm vụ sử dụng nguồn này theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định chi tiết thi hành.

e) Việc xây dựng dự toán thu phải gắn với việc tăng cường quản lý thu, đôn đốc, cưỡng chế thu hồi nợ thuế, thanh tra, kiểm tra, chống chuyển giá, chống buôn lậu, gian lận thương mại, kiểm tra, giám sát hoàn thuế GTGT, chống thất thu đối với doanh nghiệp, cá nhân kinh doanh trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ và các nguồn thu từ đôn đốc thực hiện kiến nghị của cơ quan kiểm toán, Thanh tra Chính phủ.

g) Dự toán các khoản thu phí, lệ phí (thuộc danh mục quy định của Luật Phí và lệ phí) tích cực, chi tiết theo từng khoản thu theo quy định.

h) Đối với khoản thu học phí, giá dịch vụ y tế, các khoản thu dịch vụ sự nghiệp công (không thuộc danh mục theo quy định của Luật Phí và lệ phí), không tổng hợp vào dự toán thu, chi NSNN của các cơ quan, đơn vị, nhưng các cơ quan, đơn vị phải lập dự toán riêng và xây dựng phương án sử dụng gửi cơ quan quản lý cấp trên, báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp theo quy định.

3. Xây dựng dự toán thu ngân sách từ hoạt động xuất nhập khẩu

a) Căn cứ vào dự báo tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ có thuế trong bối cảnh hội nhập, đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại, củng cố và mở rộng thị trường xuất khẩu; sự chuyển dịch cơ cấu mặt hàng, đặc biệt là các mặt hàng truyền thống có nguồn thu chủ lực và các mặt hàng mới phát sinh.

b) Xét đến các yếu tố tác động như: dự kiến biến động giá trong nước và giá trên thị trường quốc tế của những mặt hàng có nguồn thu lớn; tỷ giá giữa đồng Việt Nam và đồng tiền của các đối tác thương mại chiến lược; tác động giảm thu từ việc thực hiện lộ trình cắt giảm thuế quan theo các Hiệp định thương mại tự do đã ký kết và thực thi cam kết trong năm 2021; mức độ thuận lợi hóa thương mại và ảnh hưởng của các hàng rào kỹ thuật; quy mô, tiến độ thực hiện của các dự án đầu tư trọng điểm có nhập khẩu nguyên vật liệu, trang thiết bị; kế hoạch sản xuất của các nhà máy lọc dầu trong nước;...

4. Xây dựng dự toán số hoàn thuế GTGT theo quy định của Luật Thuế GTGT

Căn cứ vào tình hình kinh tế - xã hội, khả năng phát triển sản xuất kinh doanh và kế hoạch sản xuất kinh doanh trên địa bàn, đặc biệt là các doanh nghiệp xuất khẩu thường xuyên phát sinh số hoàn thuế GTGT, các doanh nghiệp có dự án đầu tư để tính đúng, tính đủ, kịp thời số hoàn thuế GTGT phát sinh trên địa bàn theo các chính sách, chế độ hiện hành và các chế độ chính sách mới có hiệu

lực thi hành. Xây dựng dự toán số hoàn thuế GTGT gắn liền với yêu cầu tăng cường công tác quản lý hoàn thuế, giám sát, kiểm tra, thanh tra trước và kiểm tra, thanh tra sau hoàn thuế GTGT.

5. Xây dựng dự toán thu viện trợ không hoàn lại

Căn cứ các hiệp định, thỏa thuận viện trợ ODA và viện trợ phi chính phủ nước ngoài đã và đang thực hiện; các thỏa thuận đã và sẽ được ký kết, triển khai từ năm 2021; các cơ quan, đơn vị và huyện xây dựng dự toán thu viện trợ không hoàn lại năm 2021 của đơn vị trình cấp thẩm quyền phê duyệt và chỉ được chi từ nguồn viện trợ không hoàn lại khi có dự toán thu được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp các khoản thu viện trợ phát sinh sau thời điểm trình dự toán làm vượt mức dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì phải tổng hợp gửi Sơ Kế hoạch và Đầu tư (đối với vốn viện trợ cho ĐTPT) hoặc Sở Tài chính (đối với vốn viện trợ cho chi thường xuyên) để tổng hợp tham mưu UBND tỉnh báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư (đối với vốn viện trợ cho ĐTPT) hoặc Bộ Tài chính (đối với vốn viện trợ cho chi thường xuyên) để tổng hợp báo cáo Chính phủ, trình Ủy ban thường vụ Quốc hội cho bổ sung dự toán thu làm cơ sở để bổ sung dự toán chi theo quy định.

III. Xây dựng dự toán chi NSNN

1. Nguyên tắc chung

Dự toán chi NSNN được xây dựng theo đúng quy định của pháp luật, bám sát các chủ trương, định hướng, mục tiêu của Bộ Chính trị về cơ cấu lại NSNN, quản lý nợ công, các Nghị quyết Hội nghị trung ương 6, 7 Khóa XII về sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, đầu mối khu vực sự nghiệp công lập, cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và các văn bản tổ chức triển khai, thực hiện.

2. Xây dựng dự toán chi ĐTPT

a) Xây dựng dự toán chi ĐTPT nguồn NSNN (bao gồm cả nguồn vốn ODA, vốn viện trợ, nguồn thu từ cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại một số doanh nghiệp, nguồn thu xổ số kiến thiết, nguồn thu tiền sử dụng đất) trên cơ sở Luật NSNN, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý nợ công và các văn bản hướng dẫn, các mục tiêu Đề án cơ cấu lại đầu tư công và khả năng cân đối của NSNN trong năm, phù hợp với dự kiến định hướng mục tiêu, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2025, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021.

b) Bố trí đủ dự toán chi đầu tư nguồn NSNN năm 2021 cho các dự án chuyển tiếp, hoàn thành trong năm 2021, vốn đối ứng cho các dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; bố trí vốn theo tiến độ được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025; vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo phương thức đối tác công tư. Ưu tiên bố trí vốn cho các chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia, chương trình, dự án phát triển hạ tầng trọng điểm có sức lan tỏa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, tạo đột phá thu

hút nguồn vốn khu vực tư nhân trong và ngoài nước và bảo đảm phát triển hài hòa giữa các vùng, địa phương. Mức vốn bố trí cho từng dự án phải phù hợp với tiến độ thực hiện và khả năng giải ngân trong năm 2021. Việc bố trí kế hoạch vốn ngoài nước phải phù hợp với nội dung của Hiệp định vay vốn nước ngoài, cam kết với nhà tài trợ; ưu tiên các dự án kết thúc hiệp định vay nước ngoài trong năm 2021 và không có khả năng gia hạn.

Ngoài ra, thực hiện theo đúng quy định của Luật NSNN về tổng mức hỗ trợ vốn ĐTPT hằng năm của NSTW cho NSDP và ngân sách tỉnh cho ngân sách huyện để thực hiện một số chương trình, dự án lớn, đặc biệt quan trọng có tác động lớn đến phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

c) Căn cứ số đã thu, đã chi ĐTPT nguồn sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước nhưng chưa được quyết toán; số đã nộp NSNN các năm trước chưa sử dụng và dự toán thu NSNN từ nguồn thu sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước năm 2021, các cơ quan, đơn vị tỉnh và huyện lập dự toán chi ĐTPT từ nguồn thu này theo quy định, trong đó, làm rõ các dự án đã hoàn thành chưa được quyết toán do chưa được bố trí dự toán ngân sách; các dự án được phê duyệt sử dụng từ nguồn tiền bán tài sản trên đất và chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã nộp ngân sách nhưng chưa sử dụng; các dự án dự kiến sử dụng nguồn thu này phát sinh trong năm 2021; tổng hợp trong dự toán chi ĐTPT của cơ quan, đơn vị tỉnh và huyện gửi Sở Kế hoạch - đầu tư, Sở Tài chính để tổng hợp dự toán NSNN trình cấp có thẩm quyền quyết định.

d) Đối với dự toán chi cấp bù chênh lệch lãi suất, phí quản lý, bổ sung vốn điều lệ cho quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, vốn NSNN thực hiện các chương trình tín dụng cho các Ngân hàng Phát triển Việt nam, Ngân hàng Chính sách xã hội, các ngân hàng thương mại thực hiện tín dụng đầu tư phát triển, tín dụng chính sách; căn cứ tình thực hiện năm 2020, Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN năm 2021, quy định của cấp có thẩm quyền về chính sách tín dụng đầu tư và tín dụng chính sách, dự kiến những thay đổi về đối tượng, chính sách, nhiệm vụ, tăng trưởng tín dụng, dư nợ cho vay, huy động vốn, lãi suất huy động, cho vay,.. để xây dựng dự toán chi NSNN năm 2021 theo quy định của Luật NSNN, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

đ) Đối với công tác lập quy hoạch

Thực hiện theo quy định của Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017, Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ về triển khai thi hành Luật quy hoạch, Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch và Nghị quyết số 69/NQ-CP ngày 13 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ về triển khai các nội dung Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giải thích một số Điều của Luật Quy hoạch.

e) Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập

Lập dự toán các nhiệm vụ ĐTPT (bao gồm các nhiệm vụ chuyển tiếp - nếu

có) theo quy định hiện hành (chi tiết nguồn NSNN, nguồn thu sự nghiệp, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, nguồn vay và nguồn hợp pháp khác của đơn vị) theo từng lĩnh vực sự nghiệp; gửi cơ quan quản lý cấp trên, tổng hợp báo cáo gửi Sở Kế hoạch - Đầu tư, Sở Tài chính.

f) Đối với nguồn thu xổ số kiến thiết:

Dự toán nguồn thu này trong dự toán thu cân đối NSDP, sử dụng toàn bộ cho chi ĐTP, trong đó: bố trí tối thiểu 50% số thu dự toán từ hoạt động xổ số kiến thiết do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định để đầu tư cho lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề và lĩnh vực y tế và bố trí tối thiểu 10% dự toán thu từ hoạt động xổ số kiến thiết để bổ sung vốn cho các nhiệm vụ thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới.

Sau khi bố trí vốn đảm bảo hoàn thành các dự án đầu tư thuộc các lĩnh vực trên đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, được bố trí cho các công trình ứng phó với biến đổi khí hậu và các công trình quan trọng khác thuộc đối tượng đầu tư của NSDP.

g) Bố trí đủ vốn đối ứng cho các dự án ODA trên địa bàn thuộc trách nhiệm của tỉnh; chủ động tính toán, bố trí nguồn để xử lý dứt điểm các khoản nợ xây dựng cơ bản, các khoản nợ vay của NSDP phải trả khi đến hạn.

3. Xây dựng dự toán chi thường xuyên

a) Trên cơ sở Luật NSNN, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn, các văn bản pháp luật có liên quan; các nghị quyết của Bộ Chính trị về cơ cấu lại NSNN, quản lý nợ công, Nghị quyết Hội nghị trung ương 6,7 Khóa XII; định hướng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021 và số kiểm tra dự toán thu, chi ngân sách năm 2021; chính sách, chế độ, định mức chi NSNN; các đề án, nhiệm vụ theo phê duyệt của cấp thẩm quyền,... các cơ quan, đơn vị tỉnh và huyện xây dựng dự toán chi thường xuyên năm 2021 cho từng lĩnh vực chi, triệt để tiết kiệm, đảm bảo đúng tính chất nguồn kinh phí, đáp ứng các nhiệm vụ chính trị quan trọng, thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ Nhà nước đã ban hành, nhất là các chính sách chi cho con người, chi an sinh xã hội trong bối cảnh còn nhiều khó khăn do thiên tai, dịch bệnh; đảm bảo kinh phí cho hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí của các cơ quan nhà nước theo quy định; chú trọng cải cách hành chính theo hướng hiện đại, chuyên nghiệp, ưu tiên xây dựng chính phủ điện tử, tiến tới chính phủ số, nền kinh tế số và tận dụng hiệu quả cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Dự toán chi mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản phải căn cứ quy định về tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng tài sản công hiện hành; hạn chế mua sắm xe ô tô công và trang thiết bị đắt tiền, tiếp tục thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô công theo quy định; hạn chế tối đa tổ chức hội nghị, lễ hội, hội thảo, khánh tiết, công tác nước ngoài; tiếp tục cơ cấu lại NSNN, đồng thời tạo nguồn cải cách chính sách tiền lương và bảo hiểm xã hội theo quy định.

Việc xây dựng dự toán kinh phí sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất phải thực hiện theo hướng dẫn quy định tại Thông tư số 92/2017/TT-BTC ngày 18 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài chính.

Các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ kiểm tra, kiểm nghiệm, xử lý tiêu hủy thực phẩm không an toàn, kinh phí thanh tra, phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả trong lĩnh vực vệ sinh an toàn thực phẩm cần chú ý xây dựng kinh phí đảm bảo cho các hoạt động này và kinh phí khen thưởng cho các tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác quản lý, tham gia đảm bảo an toàn thực phẩm.

b) Dự toán chi hoạt động năm 2021 của cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể xây dựng gắn với mục tiêu sắp xếp lại tổ chức bộ máy và tinh giản biên chế; kiện toàn tổ chức, giảm đầu mối, giảm cấp trung gian, giảm cấp phó, thực hiện kiêm nhiệm chức danh, sáp nhập các xã chưa đạt chuẩn...; trong đó: thực hiện tinh giản biên chế năm 2021 theo quyết định giao biên chế của cấp thẩm quyền hoặc theo Đề án tinh giản biên chế được duyệt (nếu có), hoặc là phần còn phải giảm để đảm bảo thực hiện mục tiêu tinh giản biên chế cả giai đoạn đến năm 2021 hoặc mức giảm biên chế tối thiểu hằng năm theo Nghị quyết số 39-NQ/TW, Nghị quyết số 18-NQ/TW, Kết luận số 17-KL/TW đối với các trường hợp chưa có quyết định giao biên chế/Đề án tinh giản biên chế được phê duyệt.

Ước tính tác động của sắp xếp bộ máy, tinh giản biên chế đến NSNN, gồm: (i) kinh phí dành ra đối với các cơ quan hành chính từ giảm chi NSNN do sắp xếp tổ chức bộ máy (giảm chi hoạt động bộ máy, chi cơ sở vật chất...); (ii) giảm chi NSNN do giảm biên chế (giảm chi quỹ lương, giảm chi thường xuyên); (iii) nhu cầu kinh phí thực hiện các chính sách tinh giản biên chế theo chế độ, chính sách hiện hành.

c) Dự toán chi hoạt động năm 2021 của các đơn vị sự nghiệp công lập xây dựng trên cơ sở các mục tiêu về đổi mới đơn vị sự nghiệp công theo Nghị quyết số 19-NQ/TW, Nghị định số 16/2015/NĐ-CP và các Nghị định của Chính phủ về cơ chế tự chủ trong từng lĩnh vực sự nghiệp. Cụ thể:

- Năm 2021, mức tính giảm biên chế hưởng lương từ NSNN các lĩnh vực sự nghiệp thực hiện theo quyết định giao biên chế của cấp thẩm quyền hoặc theo Đề án tinh giản biên chế được duyệt (nếu có). Đối với các trường hợp chưa có quyết định giao biên chế/Đề án tinh giản biên chế được phê duyệt cho năm 2021, thì tính trên cơ sở số biên chế còn phải giảm để đảm bảo thực hiện mục tiêu tinh giản biên chế hưởng lương từ NSNN cả giai đoạn đến năm 2021 hoặc mục tiêu giảm biên chế hưởng lương từ NSNN tối thiểu hằng năm theo Nghị quyết số 19-NQ/TW, Kết luận số 17-KL/TW của Bộ Chính trị.

- Thực hiện giảm chi hỗ trợ từ NSNN gắn với mức giảm biên chế hưởng lương từ ngân sách và giảm thêm tối thiểu 5% - 10% so với dự toán năm 2020 chi hỗ trợ từ NSNN đối với các đơn vị sự nghiệp công lập có nguồn thu tăng theo lộ trình tính giá, phí dịch vụ sự nghiệp công (tính đủ tiền lương, chi phí trực tiếp, chi phí quản lý và khấu hao tài sản), tăng giá học phí theo quy định của pháp luật;

tăng số đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; dành NSNN chi sự nghiệp cho khu vực, địa phương khó khăn, vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

- Dự kiến nhu cầu kinh phí thực hiện các chính sách tinh giản biên chế theo chế độ, chính sách hiện hành.

- Dự kiến việc chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác có đủ điều kiện thành công ty cổ phần.

d) Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập: Lập dự toán các nhiệm vụ chi thường xuyên (bao gồm các nhiệm vụ chuyển tiếp - nếu có) theo quy định hiện hành (chi tiết nguồn NSNN, nguồn thu sự nghiệp, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, nguồn vay và nguồn hợp pháp khác của đơn vị) theo từng lĩnh vực sự nghiệp; gửi cơ quan quản lý cấp trên, tổng hợp báo cáo cơ quan Tài chính cùng cấp.

đ) Chi trả nợ lãi, phí và chi phí khác: Xây dựng dự toán thành một mục chi riêng trong chi cân đối NSDP, đảm bảo chi trả đầy đủ, kịp thời các khoản nợ đến hạn; kèm theo thuyết minh mức chi trả chi tiết theo từng nguồn vốn vay (nếu có), gồm: nguồn vay nước ngoài Chính phủ vay về cho địa phương vay lại, ứng vốn Kho bạc nhà nước, tín dụng phát triển, phát hành trái phiếu chính quyền địa phương.

e) Một số lưu ý thêm khi xây dựng dự toán NSNN năm 2021

- Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ: Xây dựng dự toán chi trên cơ sở phê duyệt của cấp có thẩm quyền đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia, cấp bộ, cấp tỉnh, cấp cơ sở, nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng, dịch vụ công sử dụng NSNN và nhiệm vụ khác; phù hợp với định hướng mục tiêu, chiến lược phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2021-2025 và Kết luận số 50-KL/TW ngày 30 tháng 5 năm 2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Đối với dự toán kinh phí hỗ trợ cho các đơn vị sự nghiệp khoa học công nghệ công lập, tiếp tục xây dựng theo quy định tại Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

- Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề: Thuyết minh cơ sở xây dựng dự toán chi thực hiện chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập, chính sách ưu đãi đối với nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; kinh phí hỗ trợ đào tạo nghề cho thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an, thanh niên tình nguyện theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 9 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm; kinh phí thực hiện học bổng chính sách học sinh dân tộc hệ dự bị đại học, phổ thông dân tộc nội trú, trợ cấp xã hội, học sinh, sinh viên dân tộc rất ít người; kinh phí để thực hiện đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới

theo lộ trình tại Nghị quyết số 51/2017/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2017 của Quốc hội;...

- Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình: Thuyết minh cụ thể cơ sở tính toán nhu cầu chi thực hiện các chương trình, đề án của ngành y tế đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; dự kiến số kinh phí giảm cấp chi thường xuyên của các đơn vị sự nghiệp y tế theo lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ y tế; nhu cầu NSNN hỗ trợ do giá, phí dịch vụ sự nghiệp công chưa kết cấu đủ chi phí tại các đơn vị sự nghiệp y tế công lập tự bảo đảm một phần chi phí thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp y tế công do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên.

- Chi các hoạt động kinh tế: Xây dựng trên cơ sở khối lượng nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao và chế độ, định mức chi ngân sách quy định; tập trung bố trí chi cho những nhiệm vụ quan trọng được cấp có thẩm quyền giao: duy tu bảo dưỡng hệ thống hạ tầng kinh tế trọng yếu (giao thông, thủy lợi, đê điều và công trình phòng chống thiên tai,...) để tăng thời gian sử dụng và hiệu quả đầu tư; bảo đảm an toàn giao thông; tìm kiếm cứu nạn; thực hiện nhiệm vụ khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, khuyến công. Xây dựng dự toán kinh phí Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các đơn vị sự nghiệp kinh tế công lập theo quy định của Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ và Thông tư số 145/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 141/2016/NĐ-CP, kinh phí thực hiện đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo quy định của Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm dịch vụ công sử dụng NSNN từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

Đối với việc lập dự toán chi NSNN từ nguồn phí sử dụng đường bộ theo quy định: Căn cứ các tiêu chí phân bổ kinh phí theo phê duyệt của cấp thẩm quyền, Sở Giao thông vận tải xây dựng dự toán năm 2021, đồng thời dự kiến danh mục dự án, công trình, nhiệm vụ chi năm 2021 gửi Sở Tài chính để tổng hợp vào dự toán NSDP năm 2021 và kế hoạch tài chính – NSNN 03 năm 2021-2023 của địa phương gửi Bộ Tài chính.

- Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể xây dựng trên cơ sở:

- + Số biên chế được giao năm 2021 (trường hợp chưa được giao biên chế thì xác định bằng số được cơ quan có thẩm quyền giao năm 2020/số biên chế tính dự toán NSNN năm 2020 trừ đi (-) số biên chế phải tinh giản năm 2021 theo Đề án tinh giản biên chế được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc số biên chế còn phải giảm để bảo đảm mục tiêu theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, Kết luận số 17-KL/TW), trong đó làm rõ số biên chế thực có mặt đến thời điểm 01 tháng 6 năm 2020, số biên chế chưa tuyển theo chỉ tiêu biên chế năm 2021.

- + Xác định Quỹ lương ngạch bậc, các khoản phụ cấp theo lương và các khoản đóng góp theo chế độ quy định theo mức lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng (tính đủ 12 tháng) do NSNN đảm bảo, bao gồm: (i) Quỹ tiền lương của số biên

chế có mặt tính đến thời điểm 01 tháng 6 năm 2020 (trong phạm vi biên chế năm 2021), được xác định trên cơ sở mức lương theo ngạch, bậc, chức vụ; phụ cấp lương và các khoản đóng góp theo chế độ; (ii) Giảm quỹ tiền lương gắn với tinh giản biên chế; (iii) Quỹ tiền lương của số biên chế được duyệt nhưng chưa tuyển, được dự kiến trên cơ sở mức lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng, hệ số lương 2,34/biên chế và các khoản đóng góp theo chế độ. Trường hợp mức lương cơ sở trong năm 2021 có điều chỉnh theo quy định của cấp có thẩm quyền sẽ điều chỉnh tương ứng số tính toán nêu trên.

+ Thuyết minh cơ sở xây dựng dự toán các khoản chi đặc thù (cơ sở pháp lý, nội dung chi, mức chi, các nội dung liên quan khác) năm 2021 trên tinh thần tiết kiệm, hiệu quả.

+ Kinh phí tổ chức bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp và bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV.

- Đối với các tổ chức chính trị, xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp:

+ Trường hợp được cấp có thẩm quyền giao biên chế: thực hiện khoán kinh phí theo số biên chế được cấp có thẩm quyền giao trên cơ sở vận dụng định mức phân bổ chi thường xuyên NSNN lĩnh vực quản lý nhà nước và thực hiện hỗ trợ cho các nhiệm vụ được Đảng, Nhà nước giao.

+ Đối với các hội quần chúng khác bảo đảm nguyên tắc tự nguyện, tự quản, tự bảo đảm kinh phí, hoạt động theo điều lệ và tuân thủ pháp luật; NSNN hỗ trợ cho các nhiệm vụ được Đảng, Nhà nước giao.

4. Các cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực bên cạnh việc lập dự toán thu, chi NSNN năm 2021 (phần bộ trực tiếp thực hiện), cần tính toán xác định nhu cầu kinh phí thực hiện các cơ chế, chính sách được cấp có thẩm quyền ban hành và có hiệu lực trong năm 2021, kèm theo thuyết minh cụ thể căn cứ tính toán.

5. Xây dựng dự toán chi các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình đầu tư công:

Căn cứ chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình đầu tư công được cấp có thẩm quyền phê duyệt, các cơ quan, đơn vị tỉnh và huyện theo nhiệm vụ được giao chủ trì, phối hợp với các chủ dự án thành phần lập dự toán chi năm 2021 chi tiết theo từng mục tiêu, nhiệm vụ, nguồn ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương, chi ĐTPT, chi thường xuyên, cho cơ quan, đơn vị và huyện tham gia thực hiện chương trình; kèm thuyết minh cụ thể về căn cứ pháp lý, cơ sở dự toán kinh phí và gửi cơ quan quản lý chương trình để thẩm định, tổng hợp, đồng gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Tài chính.

6. Đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn ODA (bao gồm vốn vay và viện trợ), nguồn vốn vay ưu đãi và viện trợ phi chính phủ nước ngoài

a) Căn cứ quy định của Luật NSNN, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý nợ công và các văn bản hướng dẫn thi hành, căn cứ Hiệp định, Thỏa thuận đã và sẽ

ký với nhà tài trợ, tiến độ thực hiện, khả năng cân đối của NSNN; trên cơ sở cơ chế tài chính của các chương trình, dự án, các cơ quan, đơn vị tỉnh và huyện thực hiện lập dự toán từng chương trình, dự án có sử dụng vốn ngoài nước, chi tiết cơ chế tài chính, nguồn vốn vay nợ nước ngoài (bao gồm vay ODA, vay ưu đãi), vốn viện trợ, vốn đối ứng; phân định theo tính chất chi đầu tư phát triển, chi sự nghiệp; phân biệt rõ tính chất của dự án là cấp phát hoặc vay lại từ nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ, mức vốn cho từng phần, không đề xuất ký kết các hiệp định vay mới cho chi thường xuyên.

b) Đối với các chương trình, dự án hỗn hợp cả vốn cấp phát từ NSNN và vốn cho vay lại, cơ quan được giao quản lý chương trình, dự án hướng dẫn lập, tổng hợp dự toán cho từng phần vốn.

c) Các chương trình, dự án do tỉnh Tây Ninh tham gia cùng với các tỉnh, thành phố và bộ, ngành trung ương (nếu có), cơ quan, đơn vị tỉnh hoặc huyện được giao chủ trì thực hiện lập dự toán chi từ nguồn vốn ngoài nước và thuyết minh cơ sở phân bổ gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính theo quy định.

d) Đối với các chương trình, dự án ô, các cơ quan chủ dự án thành phần có trách nhiệm xây dựng dự toán chi tiết kinh phí thực hiện dự án thành phần, gửi cơ quan chủ quản chương trình, dự án tổng hợp gửi Sở Kế hoạch và đầu tư tham mưu UBND tỉnh gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, chi tiết theo nguồn vốn, theo nhiệm vụ như các chương trình, dự án thông thường và theo từng bộ, cơ quan trung ương, địa phương.

đ) Lập dự toán chi từ nguồn vốn ngoài nước phải đảm bảo theo quy định của pháp luật.

7. Dự toán chi tạo nguồn cải cách tiền lương

Năm 2021, tiếp tục thực hiện chính sách tạo nguồn cải cách tiền lương kết hợp triệt để tiết kiệm chi gắn với sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, nâng cao mức độ tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định; trong đó, sử dụng một phần nguồn thu được để lại theo chế độ của các cơ quan, đơn vị tỉnh, tiết kiệm 10% chi thường xuyên tăng thêm (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, các khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ), 70% nguồn tăng thu thực hiện của ngân sách địa phương so dự toán năm 2020, 50% nguồn tăng thu dự toán năm 2021 của ngân sách địa phương so dự toán năm 2020 và nguồn thực hiện cải cách tiền lương hết năm 2020 còn dư chuyển sang (nếu có).

8. Lập dự toán kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế

Việc lập dự toán kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế năm 2021 theo quy định tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP, Nghị định số 26/2015/NĐ-CP, Thông tư số 31/2019/TT-BTC ngày 05 tháng 6 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc xác định nguồn kinh phí và việc lập dự toán, quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế.

9. Bố trí dự phòng NSNN

Ngân sách các cấp bố trí dự phòng ngân sách theo đúng quy định của Luật NSNN để chủ động đối phó với thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh và thực hiện những nhiệm vụ quan trọng, cấp bách phát sinh ngoài dự toán.

10. Dự toán chi sự nghiệp từ nguồn thu được để lại theo chế độ

Các cơ quan, đơn vị tỉnh và huyện thực hiện lập dự toán chi từ nguồn thu được để lại báo cáo cấp có thẩm quyền theo biểu mẫu quy định tại Thông tư 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, nhưng không tổng hợp vào dự toán chi NSNN của các cơ quan, đơn vị tỉnh và huyện.

11. Căn cứ số kiểm tra thu, chi ngân sách năm 2021, các cơ quan, đơn vị tỉnh và huyện xây dựng dự toán chi chặt chẽ, chi tiết theo từng lĩnh vực quy định tại Luật NSNN, từng nhiệm vụ, từng đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc; sau khi làm việc với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan, đơn vị tỉnh và huyện (nếu có đăng ký) triển khai ngay công tác lập phương án phân bổ dự toán ngân sách năm 2021 của cơ quan, đơn vị tỉnh và huyện, để khi nhận được dự toán ngân sách Ủy ban nhân dân tỉnh giao, chủ động trình cấp có thẩm quyền quyết định phân bổ theo từng lĩnh vực và giao dự toán ngân sách đến đơn vị sử dụng ngân sách đảm bảo trước ngày 31 tháng 12 năm 2020 theo quy định của Luật NSNN.

IV. Xây dựng kế hoạch tài chính của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách

Trên cơ sở đánh giá tình hình thực hiện năm 2020, các cơ quan, đơn vị tỉnh được giao quản lý các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách lập kế hoạch thu - chi tài chính năm 2021 của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách còn tiếp tục hoạt động thuộc phạm vi quản lý theo quy định của Luật NSNN và quy định của pháp luật có liên quan, gửi kèm báo cáo dự toán NSNN năm 2021 của cơ quan, đơn vị mình về Sở Tài chính theo quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn thực hiện. Trong đó, thuyết minh chi tiết về số dư đầu năm; số phát sinh thu từ NSNN cấp, từ huy động, tài trợ,... trong năm; số chi cho các nhiệm vụ trong năm; tình hình biến động về vốn điều lệ, nguồn vốn hoạt động. Kiến nghị biện pháp xử lý đối với trường hợp đánh giá có số dư Quỹ tính dự kiến đến ngày 31 tháng 12 năm 2020.

V. Xây dựng dự toán ngân sách huyện

Dự toán NSDP năm 2021 được xây dựng theo quy định năm 2021 là năm kéo dài của thời kỳ ổn định NSNN giai đoạn 2017-2020. Việc xây dựng dự toán thu, chi NSDP phải bám sát mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và địa phương năm 2021, các định hướng mục tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025 và mục tiêu, nhiệm vụ của năm 2021 theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân; phù hợp với các quy định của pháp luật về xây dựng dự toán chi ĐTPT, chi thường xuyên NSNN năm 2021 được cấp có thẩm quyền quyết định; chế độ, chính sách chi NSNN, bảo đảm đủ nguồn lực thực

hiện các chế độ, chính sách do Trung ương, địa phương đã ban hành và theo đúng quy định của Luật NSNN.

Ngoài các quy định hướng dẫn chung về công tác lập dự toán NSNN, việc lập, xây dựng dự toán NSDP cần chú ý một số nội dung chủ yếu sau:

1. Xây dựng dự toán thu NSNN trên địa bàn

Các huyện xây dựng dự toán trên cơ sở tổng hợp toàn bộ các khoản thu từ thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác trên địa bàn theo quy định tại Điều 7 của Luật NSNN và các quy định pháp luật có liên quan.

Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo các cơ quan liên quan chấp hành nghiêm việc lập dự toán thu ngân sách và chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh trong việc xây dựng dự toán thu NSNN.

Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện rà soát, lập dự toán thu NSNN tích cực, sát thực tế, tổng hợp đầy đủ các khoản thu mới phát sinh trên địa bàn để tính đúng, tính đủ nguồn thu, không dành dư địa để địa phương tự quy định giao chỉ tiêu phân đầu thu; lấy chỉ tiêu pháp lệnh thu NSNN của Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định, Ủy ban nhân dân tỉnh giao làm căn cứ chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách trên địa bàn.

Căn cứ tỷ lệ điều tiết các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách ở địa phương được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua cho thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020 để xác định dự toán thu ngân sách được hưởng năm 2021 của từng cấp ngân sách ở địa phương.

2. Về xây dựng dự toán chi NSDP, Ủy ban nhân dân các cấp chủ động

Xây dựng dự toán chi NSDP trên cơ sở quy định của pháp luật về NSNN; căn cứ dự toán nguồn thu NSDP được hưởng theo phân cấp và ổn định số bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh cho ngân sách huyện (bằng dự toán năm 2020); định hướng các mục tiêu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025 và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2021 theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân địa phương; ước thực hiện các nhiệm vụ thu - chi ngân sách của địa phương năm 2020, xây dựng dự toán chi NSDP chi tiết từng lĩnh vực chi theo quy định của Luật NSNN, đảm bảo ưu tiên bố trí đủ dự toán nhu cầu kinh phí thực hiện các dự án, nhiệm vụ đã cam kết, chế độ chính sách đã ban hành;

Các địa phương báo cáo chi tiết nhu cầu, nguồn lực, kinh phí thừa, thiếu để thực hiện các chính sách an sinh xã hội hiện hành, các chính sách mới phát sinh trong năm 2020 và nhu cầu năm 2021 để có cơ sở bố trí dự toán bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách huyện theo quy định của pháp luật.

Đồng thời thực hiện những nội dung chủ yếu sau:

a) Đối với dự toán chi ĐTPT: Căn cứ quy định của Luật Đầu tư công; đánh giá thực hiện năm 2020 và giai đoạn 2016-2020; khả năng nguồn lực; địa phương giải trình cụ thể dự toán chi ĐTPT năm 2021, chi tiết nguồn cân đối NSDP (gồm chi đầu tư xây dựng cơ bản, chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng

đất, ... (nếu có)), nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách huyện cho các nhiệm vụ đầu tư theo thứ tự ưu tiên quy định.

b) Đối với kinh phí diễn tập khu vực phòng thủ: Huyện căn cứ vào kế hoạch diễn tập khu vực phòng thủ được cấp có thẩm quyền phê duyệt, xây dựng dự toán chi NSNN chi tiết theo từng nhiệm vụ diễn tập cụ thể và chủ động sử dụng huyện để thực hiện, ngân sách tỉnh chỉ hỗ trợ cho các địa phương khó khăn, chưa tự cân đối

c) Bố trí dự toán chi ĐTPT từ nguồn thu tiền sử dụng đất để đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, các dự án di dân, tái định cư, chuẩn bị mặt bằng xây dựng, Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới; sử dụng tối thiểu 10% số thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất để thực hiện công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 1474/CT-TTg ngày 24 tháng 8 năm 2011 và Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 04 tháng 4 năm 2013.

d) Đối với dự toán chi thường xuyên, thực hiện giảm dự toán đối với các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp trên cơ sở nhiệm vụ tinh giản biên chế, sắp xếp lại bộ máy, đổi mới đơn vị sự nghiệp công lập năm 2021 được xác định căn cứ vào kết quả thực hiện giai đoạn 2016-2020, mục tiêu Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW, riêng mức giảm biên chế được xác định theo quyết định giao biên chế của cấp thẩm quyền (nếu có) hoặc là mức giảm tối thiểu/năm theo Kết luận số 17-KL/TW, nguồn dành ra để thực hiện cải cách tiền lương năm 2021 nếu các nguồn theo quy định hiện hành chưa đủ và hỗ trợ các đối tượng chính sách tiếp cận dịch vụ công khi điều chỉnh tăng giá, phí dịch vụ.

Các huyện lập phương án sử dụng số kinh phí giảm chi thường xuyên cấp trực tiếp cho các đơn vị sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề theo lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ giáo dục - đào tạo và dạy nghề năm 2021 theo quy định.

đ) Kinh phí thực hiện chuẩn nghèo đa chiều theo phê duyệt của cấp thẩm quyền và Nghị quyết của Chính phủ, chi tiết đối với từng loại chuẩn nghèo đa chiều, cụ thể số đối tượng, nhu cầu kinh phí phát sinh năm 2021.

C. LẬP KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NSNN 03 NĂM 2021-2023

I. Căn cứ, yêu cầu lập kế hoạch

1. Thực hiện quy định tại Luật NSNN, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm và Thông tư số 69/2017/TT-BTC ngày 7 tháng 7 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm (Thông tư số 69/2017/TT-BTC), các Luật về thuế, phí, lệ phí, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý nợ công, Luật quản lý tài sản công, các văn bản pháp luật có liên quan; định hướng mục tiêu, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025; các Nghị quyết Trung ương Khóa XII về tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, đổi mới các đơn vị sự nghiệp công lập và các Nghị quyết về cải cách tiền lương, bảo hiểm xã hội...;

căn cứ kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2020-2022 đã được rà soát, cập nhật vào thời điểm 31 tháng 3 năm 2020; căn cứ kết quả rà soát, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách, các chế độ, chính sách, nhiệm vụ, chương trình, dự án 05 năm giai đoạn 2016-2020; căn cứ các thỏa thuận, hiệp định vay nợ, viện trợ nguồn vốn ngoài nước đã và sẽ được ký kết, triển khai trong các năm 2021-2023; giả định tiếp tục các quy định tại thời kỳ ổn định NSNN 2017-2020; căn cứ các trần chi tiêu giai đoạn 2021-2023 và dự toán ngân sách năm 2021 lập theo quy định tại Mục B nêu trên, các cơ quan, đơn vị tỉnh và huyện xây dựng kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2021-2023 theo quy định.

Trường hợp nhu cầu chi của các cơ quan, đơn vị tỉnh và huyện trong các năm 2021-2023 tăng/giảm mạnh so với dự toán (bao gồm cả dự toán bổ sung trong năm) và ước thực hiện chi năm 2020, các cơ quan, đơn vị tỉnh và huyện phải có thuyết minh, giải trình, có các giải pháp huy động thêm các nguồn lực tài chính ngoài ngân sách, đảm bảo các nhu cầu chi phải cân đối được nguồn lực thực hiện.

2. Dự toán chi năm 2022-2023 tạm xây dựng với mức lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng. Sau khi cấp có thẩm quyền quyết định phương án thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp, Sở Tài chính sẽ thông báo, hướng dẫn sau.

3. Việc lập, báo cáo, tổng hợp và trình kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2021-2023 được tiến hành đồng thời với quá trình lập dự toán NSNN năm 2021.

II. Lập kế hoạch thu NSNN

1. Kế hoạch thu NSNN 03 năm 2021-2023 được lập trên cơ sở cập nhật kế hoạch 03 năm 2020-2022, dự toán thu NSNN năm 2021; đồng thời:

a) Đánh giá toàn diện việc thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn 2016-2020, trong đó có tác động của thiên tai, dịch bệnh, đặc biệt là đại dịch Covid-19 trong năm 2020.

b) Khả năng phát triển kinh tế của từng ngành nghề, lĩnh vực và địa phương trong 2021-2023 phù hợp với định hướng mục tiêu, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025; các yếu tố thay đổi về năng lực đầu tư, năng suất lao động, năng lực cạnh tranh, cải thiện môi trường kinh doanh, hỗ trợ, phát triển sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp và hoạt động thương mại, xuất nhập khẩu của từng năm; các yếu tố tác động của quá trình hội nhập quốc tế.

c) Các yếu tố dự kiến làm tăng, giảm, dịch chuyển nguồn thu do điều chỉnh chính sách thu, bổ sung mở rộng cơ sở tính thuế, tăng cường quản lý thu theo Nghị quyết số 07-NQ/TW; triển khai thực hiện Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14; thực hiện lộ trình cắt giảm thuế quan theo cam kết hội nhập; điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh của thuế thu nhập cá nhân; một số chính sách thuế thu nhập doanh

nghiệp nhằm hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp; động viên từ khu vực kinh tế phi chính thức;...

d) Tác động thu ngân sách từ việc điều chỉnh giá, phí các dịch vụ sự nghiệp công theo lộ trình kết cấu đủ chi phí vào giá dịch vụ sự nghiệp công quy định tại Nghị quyết số 19-NQ/TW, Nghị định số 16/2015/NĐ-CP, số 54/2016/NĐ-CP, Nghị định số 141/2016/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi thay thế (nếu có).

Phân đầu tốc độ tăng thu nội địa từ hoạt động sản xuất kinh doanh bình quân chung năm 2021 tăng khoảng 9-11% so với đánh giá ước thực hiện năm 2020, các năm 2022-2023 tăng khoảng 10-11%/năm. Mức tăng thu cụ thể của từng địa phương có thể cao hơn hoặc thấp hơn mức bình quân chung, tùy theo điều kiện, đặc điểm và phù hợp với tốc độ tăng trưởng kinh tế trên địa bàn của từng địa phương.

2. Dự toán các khoản thu phí, lệ phí các năm 2021-2023 tích cực, chi tiết theo từng khoản thu phí, lệ phí theo quy định (số thu, số nộp NSNN) và chỉ tổng hợp vào dự toán thu NSNN phần phí, lệ phí nộp NSNN.

3. Đối với các khoản thu học phí, thu dịch vụ sự nghiệp công không thuộc danh mục phí và lệ phí, các khoản thu chuyển sang cơ chế giá dịch vụ; thực hiện lập kế hoạch thu theo quy định và xây dựng phương án sử dụng để gửi cơ quan có thẩm quyền giám sát và tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn từ khoản thu này để cải cách tiền lương theo quy định; gửi cơ quan tài chính cùng cấp theo quy định.

III. Lập kế hoạch chi NSNN 03 năm 2021-2023 của các cơ quan, đơn vị ở cấp tỉnh

1. Kế hoạch chi NSNN 03 năm 2021-2023 của các cơ quan, đơn vị tỉnh được lập trên cơ sở cập nhật kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2020-2022, số ước thực hiện năm 2020, trần chi ngân sách giai đoạn 2021-2023 do cơ quan có thẩm quyền thông báo, dự toán năm 2021 được lập ở Mục B nêu trên và phù hợp với các định hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội cùng kỳ; trong đó thuyết minh cụ thể các mục tiêu, nhiệm vụ, chương trình, đề án, dự án (kể cả chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu), chính sách, chế độ đã hết thời gian thực hiện/mới được cấp thẩm quyền phê duyệt, đặc biệt lưu ý việc triển khai các Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 Khóa XII.

2. Trong quá trình xây dựng dự toán chi NSNN năm 2021, các cơ quan, đơn vị tỉnh đồng thời xác định chi tiết chi tiêu cơ sở, chi tiêu mới của đơn vị mình năm dự toán 2021 theo quy định tại Điều 5 và Điều 6 Thông tư số 69/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính để làm căn cứ xác định chi tiêu cơ sở, chi tiêu mới và tổng hợp nhu cầu chi ĐTPT, nhu cầu chi bảo dưỡng, vận hành trong kế hoạch chi năm 2022-2023.

Đối với các cơ quản lý ngành, lĩnh vực bên cạnh việc lập kế hoạch thu, chi NSNN từng năm của giai đoạn 2021-2023 (phần trực tiếp thực hiện), cần tính

toán xác định nhu cầu kinh phí thực hiện các cơ chế, chính sách, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền ban hành từng năm của giai đoạn 2021-2023, kèm theo thuyết minh cụ thể căn cứ tính toán, trong đó lưu ý:

a) Lập kế hoạch chi ĐTPT căn cứ vào tiến độ thực hiện các chương trình, dự án, nhiệm vụ đầu tư chuyển tiếp (nếu có)/đã được phê duyệt chủ trương, quyết định đầu tư; gắn với định hướng phát triển kinh tế - xã hội, các mục tiêu chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực, các định hướng đổi mới, phát triển nền kinh tế theo các Nghị quyết của Hội nghị Trung ương Khóa XII.

b) Lập kế hoạch chi từ nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi, nguồn vốn viện trợ phi chính phủ nước ngoài năm 2021-2023 theo tiến độ thực hiện các đối với các Hiệp định, thỏa thuận vay đã ký kết và đang triển khai thực hiện, theo cam kết, đàm phán đối với các trường hợp mới ký kết, đã được phê duyệt chủ trương, đang đàm phán.

c) Lập kế hoạch chi thường xuyên chi tiết việc triển khai các mục tiêu, nhiệm vụ, chính sách, chế độ còn hiệu lực/hết hiệu lực; các mục tiêu, nhiệm vụ, chế độ, chính sách mới đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.

Đối với Nghị quyết số 18-NQ/TW, trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra trong giai đoạn 2016-2020, định hướng các mục tiêu trong giai đoạn 2021-2025 theo Đề án được phê duyệt (nếu có), dự kiến cụ thể các mục tiêu, nhiệm vụ về hoàn thiện tổ chức, bộ máy, về giảm biên chế trong từng năm 2021-2023 và các tác động kinh phí NSNN theo từng mục tiêu, nhiệm vụ (tiết kiệm chi NSNN do giảm đầu mối, giảm biên chế; tăng chi NSNN do thực hiện chính sách tinh giản biên chế).

Đối với Nghị quyết số 19-NQ/TW, trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra trong giai đoạn 2016-2020, định hướng các mục tiêu trong giai đoạn 2021-2025 và các mục tiêu theo Đề án được phê duyệt (nếu có), thực hiện lập dự toán tương tự dự toán năm 2021 quy định tại điểm 3, khoản III, Mục B nêu trên, với mức giảm biên chế hưởng lương từ NSNN hằng năm theo Đề án được phê duyệt (nếu có), hoặc hằng năm giảm bình quân 2,5%, cộng thêm số chưa thực hiện được của giai đoạn 2016-2020 (nếu có).

d) Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập: lập kế hoạch thu, chi từng năm 2021-2023 theo quy định hiện hành, chi tiết các khoản thu theo quy định, các nhiệm vụ chi ĐTPT, chi thường xuyên từ nguồn NSNN, nguồn thu sự nghiệp, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, nguồn vay và nguồn hợp pháp khác của đơn vị theo từng lĩnh vực sự nghiệp; gửi cơ quan quản lý cấp trên tổng hợp, báo cáo cơ quan Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư cùng cấp.

IV. Lập kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2021-2023 của huyện

Bên cạnh các nội dung có liên quan về công tác lập kế hoạch thu, chi NSNN 03 năm 2021-2023 quy định tại khoản I, II nêu trên, việc lập kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2021-2023 còn phải chú ý một số nội dung sau:

1. Căn cứ đánh giá đầy đủ, thực chất, chính xác các kết quả đạt được giai đoạn 2016-2020, định hướng mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương giai đoạn 2021-2025, huyện dự báo tình hình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn năm 2021-2023, gửi Sở Tài chính để làm căn cứ lập kế hoạch tài chính - NSNN năm 03 năm 2021-2023.

2. Căn cứ số thu được giao, phạm vi thu NSNN theo quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn, dự toán thu NSNN trên địa bàn năm 2021 được lập ở Mục B nêu trên, trong đó:

a) Phân tích, đánh giá cụ thể những tác động tăng, giảm, dịch chuyển nguồn thu do điều chỉnh chính sách thu gắn với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội; đánh giá ảnh hưởng nguồn thu do ảnh hưởng của dịch bệnh, thiên tai; thực hiện Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14; thực hiện lộ trình cắt giảm thuế quan theo cam kết hội nhập; điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh của thuế thu nhập cá nhân; một số chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp nhằm hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp; động viên từ khu vực kinh tế phi chính thức và dự kiến triển khai các chính sách thu mới quy định tại Nghị quyết số 07-NQ/TW.

b) Đối với nguồn thu phí, lệ phí, việc lập dự toán thực hiện theo quy định hiện hành, gắn với lộ trình tăng phí theo nguyên tắc tính đúng, tính đủ chi phí cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, tổng hợp vào dự toán thu NSNN phần thu phí nộp NSNN năm 2021-2023; lập kế hoạch riêng nguồn thu học phí, giá dịch vụ y tế, giá dịch vụ sự nghiệp công và các khoản thu khác (không có trong danh mục phí) để quản lý, giám sát và yêu cầu tạo nguồn cải cách tiền lương đối với các đối tượng này.

3. Trên cơ sở dự kiến nguồn thu trên địa bàn, nguồn thu của địa phương theo chế độ phân cấp hiện hành, dự kiến số bổ sung từ ngân sách tỉnh cho ngân sách huyện do Sở Tài chính thông báo trong 03 năm 2021-2023; dự kiến các mục tiêu, định hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương giai đoạn 2021-2025; huyện lập kế hoạch chi NSDP năm 2021-2023 gửi về Sở Tài chính; trong đó, đảm bảo ưu tiên bố trí đủ kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ đã được ban hành và cam kết chi (bao gồm cả chính sách đặc thù do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định); xác định nhu cầu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh đối với các chế độ, chính sách của Trung ương, địa phương cho từng năm của giai đoạn 2021-2023; đối với các nhiệm vụ chi mới của địa phương trong từng năm của giai đoạn 2021-2023, bố trí theo thứ tự ưu tiên để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ kinh tế - xã hội trọng tâm của địa phương, trong phạm vi khả năng nguồn lực từng năm 2021-2023.

Dự toán chi cân đối NSDP năm 2022, 2023 được tính toán và xác định trên cơ sở dự kiến thu cân đối NSDP tạm tính theo tỷ lệ điều tiết của thời kỳ ổn định NSNN 2017-2020 hoặc trên cơ sở số bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh cho ngân sách huyện như dự toán năm 2020 (đối với các địa phương nhận bổ sung cân đối) và dự toán chi cân đối NSDP năm 2021. Trong đó:

Đối với chi ĐTPT: Chi đầu tư xây dựng cơ bản được bố trí theo nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công theo quyết định của cấp thẩm quyền.

Đối với chi thường xuyên: Xác định trên cơ sở nguồn thu NSDP được hưởng theo phân cấp (bao gồm số bổ sung cân đối – nếu có) được tính toán trên cơ sở của thời kỳ ổn định NSNN 2017-2020 nêu trên, gắn với việc cơ cấu lại và tiết kiệm chi thường xuyên thông qua sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và đổi mới đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương, sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trong giai đoạn 2019 - 2021 theo Nghị quyết số 653/2019/UBTVQH14 ngày 12 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

4. Lập kế hoạch nguồn thực hiện cải cách tiền lương: Thực hiện theo quy định tại điểm 7, khoản III Mục B nêu trên.

D. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.

I. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị tỉnh cấp tỉnh và huyện

Thực hiện theo quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn thực hiện và quy định tại khoản 5 Điều 17 của Nghị định số 45/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ.

Thực hiện theo quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn; thực hiện đánh giá kết quả thực hiện thu, chi ngân sách năm 2020, dự toán thu, chi ngân sách năm 2021, kế hoạch tài chính, ngân sách 03 năm 2021-2023 theo các nội dung, mẫu biểu quy định và các nội dung, mẫu biểu tại Công văn hướng dẫn này. Riêng các cơ quan, đơn vị, huyện được giao thực hiện các CTMTQG và các CTMT: lập dự toán năm 2021 và giai đoạn 2021-2023 gửi các cơ quan quản lý các CTMTQG và các CTMT. Các cơ quan quản lý các CTMTQG và các CTMT kiểm tra, tổng hợp dự toán thực hiện CTMTQG, CTMT năm 2021 và giai đoạn 2021-2023 gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư - Sở Tài chính trước ngày 15/8/2020. Trên cơ sở dự toán do các cơ quan quản lý các CTMTQG, CTMT lập, Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, tổng hợp và lập dự toán chi năm 2021, từng năm của giai đoạn 2021-2023 đối với từng cơ quan, đơn vị và từng huyện gửi Sở Tài chính để tổng hợp theo quy định trước ngày 20/8/2020.

II. Về biểu mẫu lập và báo cáo dự toán NSNN năm 2021 và kế hoạch tài chính – NSNN 03 năm 2021-2023

1. Đối với dự toán năm 2021: áp dụng mẫu biểu quy định tại Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP (trong đó lưu ý, các lĩnh vực sự nghiệp áp dụng mẫu biểu số 12.1 đến 12.5) và các mẫu biểu số 01, 02, 03 ban hành kèm theo văn bản này.

2. Đối với dự toán thu, chi NSNN từ sắp xếp lại, xử lý nhà đất được lập chi tiết theo các mẫu biểu số 04, 05 ban hành kèm theo văn bản này. Riêng đối

với mẫu biểu số 4 - Tổng hợp dự toán thu NSNN từ nguồn thu xử lý nhà, đất do Cục Thuế Tây Ninh chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên - Môi trường và Sở Tài chính để lập.

3. Đối với kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2021-2023: áp dụng các mẫu biểu từ số 01 đến số 06 và mẫu biểu từ số 13 đến số 19 ban hành kèm theo Thông tư số 69/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm.

III. Thời gian lập dự toán NSNN năm 2021 và kế hoạch tài chính – NSNN 03 năm 2021-2023

1. Thời gian gửi dự toán, phương án phân bổ dự toán CTMTQG, CTMT: như quy định tại khoản I, Mục D văn bản này.

2. Thời gian gửi dự toán thu NSNN đối với các cơ quan Thuế, Hải quan và các cơ quan, đơn vị tỉnh có thu NSNN có liên quan, gửi Sở Tài chính trước ngày 15/8/2020.

3. Thời gian các đơn vị dự toán cấp I; các cơ quan, đơn vị khác của cấp tỉnh có liên quan đến việc lập dự toán thu, chi NSNN, thu, chi từ nguồn thu được để lại; huyện gửi Sở Kế hoạch - Đầu tư và Sở Tài chính trước ngày 19/8/2020.

4. Thời gian Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi báo cáo đánh giá, dự toán năm 2021 và kế hoạch 03 năm 2021-2023 đối với các nội dung có liên quan về chi đầu tư xây dựng cơ bản, CTMTQG và các CTMT về Sở Tài chính trước ngày 22/8/2020.

Trong quá trình thực hiện nếu có những chính sách chế độ mới ban hành và phát sinh vướng mắc, Sở Tài chính sẽ hướng dẫn bổ sung và đề nghị các cơ quan, đơn vị tỉnh và huyện phản ánh về Sở Tài chính để kịp thời xử lý./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban KTNS-HĐND tỉnh;
- Sở Kế hoạch - Đầu tư;
- Cục Thuế;
- Cục Hải quan;
- Phòng TC-KH huyện, tx, tp;
- Website Sở Tài chính;
- Lưu: VT, QLNS.

Phô tô:.....bản.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**